

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300381564, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 08 năm 2007, sửa đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 6 năm 2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số Th./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2006)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày:

Tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ : 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : 08 3829 2971
Fax : 08 3829 9437
Email : cadivi@cadivi.vn
Website : www.cadivi.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT - CN TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 6290 8686
Fax : (84-8) 6291 0607
Website : www.fpts.com.vn

Người Công bố thông tin

Tên : Nguyễn Lộc Chức vụ: Tổng giám đốc
Điện thoại : 08 3829 2971 Fax : 08 3829 9437

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300381564, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 08 năm 2007, sửa đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 6 năm 2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng năm)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày:

Tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ : 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : 08 3829 2971
Fax : 08 3829 9437
Email : cadivi@cadivi.vn
Website : www.cadivi.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT - CN TP HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-8) 6290 8686
Fax : (84-8) 6291 0607
Website : www.fpts.com.vn

Người Công bố thông tin

Tên	: Nguyễn Lộc	Chức vụ: Tổng giám đốc
Điện thoại	: 08 3829 2971	Fax : 08 3829 9437

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300381564, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08 tháng 08 năm 2007, sửa đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 6 năm 2014)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Giá bán: 20.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng chào bán: 28.800.000 cổ phần

Tổng giá trị chào bán (theo giá bán dự kiến): 576.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán

Phía Nam

Trụ sở

: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

chính

Điện thoại : (84.8) 38205944

Fax : (84.8) 38205947

Email : info@aascs.com.vn

Website : www.aascs.com.vn

**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

Fpt Securities

Công ty Cổ phần chứng khoán FPT

Trụ sở

: 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

chính

Điện thoại : (84.4) 37737070 – 6271 7171

Fax : (84.4) 3773 9058

Email : fptsecurities@fpts.com.vn

Website : <http://www.fpts.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm,

Địa chỉ : Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 6290 8686 Fax: (84.8) 6291 0607



Fpt Securities

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	10
3. Rủi ro đặc thù.....	11
4. Rủi ro của đợt chào bán	13
5. Rủi ro pha loãng.....	13
6. Rủi ro quản trị công ty	14
7. Rủi ro khác.....	14
 II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.16	
1. Tổ chức phát hành.....	16
2. Tổ chức tư vấn	16
 IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	18
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	18
2. Cơ cấu tổ chức công ty	26
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	27
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan (bản đính kèm); Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại	43
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	44
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty;.....	46
7. Hoạt động kinh doanh.....	48
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	63
9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	65
10. Chính sách đối với người lao động	70
11. Chính sách cổ tức.....	72
12. Tình hình tài chính.....	72
13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng	80
14. Tài sản.....	100
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	101
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	104
17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	104
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	105
19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán	105

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	106
1. Loại cổ phiếu	106
2. Mệnh giá	106
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành	106
4. Giá chào bán dự kiến	106
5. Phương pháp tính giá	106
6. Phương thức phân phối	108
7. Thời gian phân phối cổ phiếu	108
8. Đăng ký mua cổ phiếu	110
9. Phương thức thực hiện quyền	110
10. Phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh	110
11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	111
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	112
13. Các loại thuế có liên quan	112
14. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	112
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	113
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	113
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	114
IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	116
X. PHỤ LỤC	118

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu	6
Biểu đồ 2. Tăng trưởng GDP so với cùng kỳ và đóng góp vào tăng trưởng GDP của Việt Nam	7
Biểu đồ 3. Chỉ số giá tiêu dùng, % so với cùng kỳ năm ngoái	8
Biểu đồ 4. Các cân đối tiền tệ	9
Biểu đồ 5. Tăng trưởng tín dụng và GDP	9
Biểu đồ 6. Dự báo giá nguyên liệu đầu vào	11
Biểu đồ 7. Sơ đồ tổ chức Công ty	26

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần	43
Bảng 2. Cơ cấu cổ đông	43
Bảng 3. Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm của Công ty mẹ	53
Bảng 4. Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm Hợp nhất	53
Bảng 5. Cơ cấu Lợi nhuận gộp từng nhóm sản phẩm của Công ty mẹ	54

Bảng 6. Cơ cấu Lợi nhuận gộp từng nhóm sản phẩm của Hợp nhất	54
Bảng 7. Chi phí hoạt động Công ty qua các năm Công ty mẹ	55
Bảng 8. Chi phí hoạt động Công ty qua các năm Hợp nhất	55
Bảng 9. Tình hình đầu tư	57
Bảng 10. Các hợp đồng lớn ký kết với Khách hàng	60
Bảng 11. Các hợp đồng lớn ký kết với Nhà cung cấp	61
Bảng 12. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ	63
Bảng 13. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	63
Bảng 14. CAV so với các doanh nghiệp cùng ngành	66
Bảng 15. Tỷ lệ chi trả cổ tức qua các năm	72
Bảng 16. Vốn điều lệ của Công ty	72
Bảng 17. Tình hình vốn kinh doanh	74
Bảng 18. Số dư các khoản thuế phải nộp	62
Bảng 19. Số dư các quỹ	75
Bảng 20. Tổng dư nợ vay của Công ty	76
Bảng 21. Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn Công ty mẹ	77
Bảng 22. Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn Hợp nhất	77
Bảng 23. Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ	78
Bảng 24. Chi tiết công nợ phải trả Hợp nhất	78
Bảng 25. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty	79
Bảng 26. Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát; Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng	80
Bảng 27. Giá trị tài sản cố định Hợp nhất tính đến ngày 30/06/2016	100
Bảng 28. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	101
Bảng 29. Một số chỉ tiêu các doanh nghiệp cùng ngành	107
Bảng 30. Giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh P/E	107
Bảng 31. Giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh P/B	108
Bảng 32. Kết luận về giá cổ phiếu	108
Bảng 33. Lịch trình phân phối cổ phiếu	109
Bảng 34. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	113

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Tình hình kinh tế toàn cầu

Tổ chức Ngân hàng Thế giới dự báo mức tăng trưởng toàn cầu trong năm 2016 là 2,4%, không thay đổi so với năm 2015 và ít hơn 0,5% so với con số Tổ chức này đưa ra vào đầu năm. Con số này được đưa ra trên cơ sở tín hiệu cải thiện kinh tế toàn cầu yếu, triển vọng tăng trưởng toàn cầu suy giảm, kể cả tại các nước nền kinh tế mới nổi và các nước thu nhập cao.

Biểu đồ 1. Dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu (theo Ngân hàng thế giới)



Tốc độ tăng trưởng thương mại toàn cầu giảm xuống mức 3% chủ yếu do cầu tại các nước xuất khẩu nguyên vật liệu giảm mạnh và giảm sút hoạt động kinh tế cũng như quá trình tái cân đối kinh tế tại Trung Quốc. Tình hình các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển bị xấu đi do chịu ảnh hưởng của việc giá nguyên liệu giảm, trong khi đó tình hình kinh tế tại các nước phát triển vẫn không khả quan mặc dù giá năng lượng giảm và tình hình thị trường lao động có sự cải thiện.

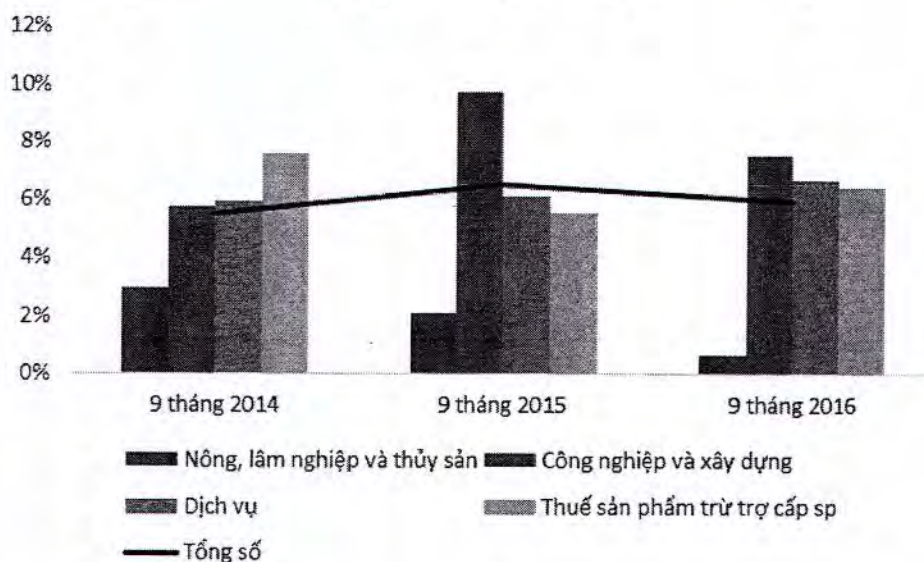
Tình hình kinh tế thế giới sẽ ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của những doanh nghiệp có nhu cầu xuất nhập khẩu, quảng bá sản phẩm ra nước ngoài như CADIVI, bên cạnh đó, giá nguyên vật liệu

đầu vào cũng chịu sự ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới, từ đó yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình kinh doanh của Công ty.

Tình hình kinh tế Việt Nam

Trong chín tháng đầu năm 2016, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tại Việt Nam đã chững lại, chủ yếu do sản lượng công nghiệp cũng tăng chậm lại, xuống mức 5,93% (9 tháng đầu năm 2015 tăng 6,53%) do sự sụt giảm của ngành khai thác khoáng sản; nền kinh tế chịu tác động nghiêm trọng của hạn hán và xâm nhập mặn lên vùng sản xuất nông nghiệp chính, làm cho sản lượng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản giảm so với cùng kỳ năm trước. Ngược lại, ngành xây dựng có mức tăng trưởng tốt hơn nhờ nguồn tín dụng tăng và thị trường bất động sản có những dấu hiệu phục hồi tích cực. Bên cạnh đó ngành dịch vụ cũng tăng tốc nhờ tăng trưởng bán buôn, bán lẻ do tiêu dùng trong nước tiếp tục được duy trì và các hoạt động du lịch khởi sắc.

Biểu đồ 2. Tăng trưởng GDP và đóng góp vào tăng trưởng GDP của Việt Nam



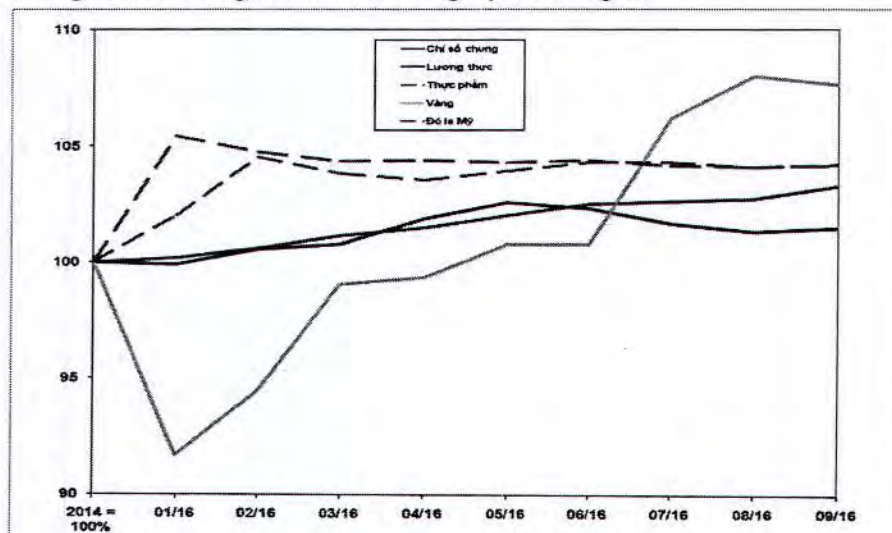
Nguồn: Tổng cục thống kê (GSO)

Ngành xây dựng phát triển trở lại bởi tăng trưởng tín dụng và sự ấm lên của thị trường bất động sản đang là tạo cơ hội cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tình hình lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng tại Việt Nam có gia tăng trong những tháng gần đây nhưng áp lực lạm phát vẫn dự kiến ở mức độ vừa phải. Lạm phát 9 tháng năm 2016 tăng chủ yếu do tăng giá dịch vụ công (chiếm 72% tổng mức tăng từ đầu năm).

Biểu đồ 3. Chỉ số giá tiêu dùng, % so với cùng kỳ năm ngoái



Nguồn: Tổng cục thống kê (GSO)

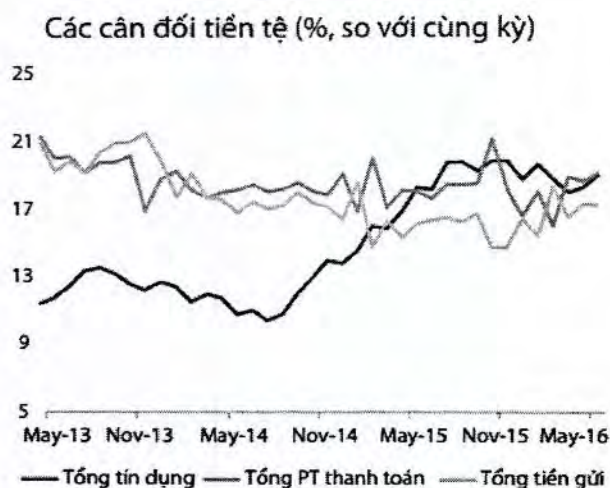
Chỉ số CPI chung tháng 9 năm 2016 tăng 0,54% so với tháng trước, làm cho CPI tăng 3,34% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù vậy, lạm phát dự kiến vẫn ở mức vừa phải và duy trì ở mức dưới 5% theo mục tiêu Chính phủ đề ra cho năm nay.

Lạm phát có tác động rất lớn đến kết quả kinh doanh của mọi doanh nghiệp. Nếu lạm phát xảy ra sẽ kéo theo sự gia tăng chi phí vốn đầu tư các công trình, gia tăng chi phí vận hành và ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của Công ty.

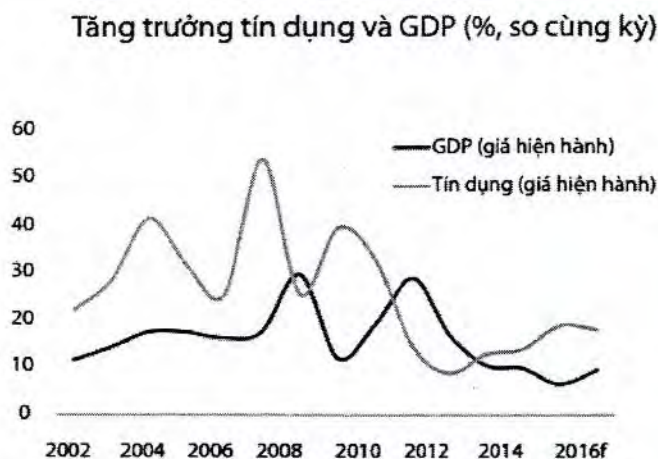
Tình hình lãi suất

Trong năm 2016, mục tiêu chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước vẫn tập trung vào đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng, bao gồm tăng trưởng kinh tế 6,7%, lạm phát dưới 5%, tăng trưởng tín dụng 18-20%, nợ xấu dưới 3% tổng dư nợ ngành ngân hàng.

Biểu đồ 4. Các cân đối tiền tệ



Biểu đồ 5. Tăng trưởng tín dụng và GDP



Nguồn: Ngân hàng Thế giới (WB)

Mặc dù lạm phát đã trở về mức thấp nhưng Ngân hàng Nhà nước vẫn chưa điều chỉnh lãi suất kể từ năm 2014. Tuy vậy, một số ngân hàng đã giảm lãi suất cho vay với kết quả là tín dụng tăng 18,8% trong năm 2015. Trong số những tháng đầu năm 2016, xu thế tăng trưởng tín dụng vẫn tiếp tục với tốc độ khoảng 6% kể từ đầu năm, tương đương mức tăng 18% so với cùng kỳ năm ngoái.

Lãi suất có ảnh hưởng lớn tới sức mạnh của nền kinh tế cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, theo số liệu từ báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 của Công ty, chỉ số nợ trên vốn chủ sở hữu là 2,19 lần và nợ trên tổng tài sản là 0,69 lần, do đó rủi ro về lãi suất chắc chắn có ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là Công ty được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước, mọi hoạt động của Công ty sẽ chịu sự chi phối của Luật Doanh Nghiệp, Luật chứng khoán và một số bộ luật khác có liên quan như Luật đầu tư, Luật thuế thu nhập,...Hiện, khung pháp lý đang có nhiều thay đổi để hoàn thiện, chuẩn hóa để giám sát hoạt động của các doanh nghiệp, do đó, bất cứ thay đổi nào của hệ thống pháp lý đều tác động đến quá trình quản trị hoạt động, điều hành sản xuất của Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn bị ràng buộc bởi pháp luật trong ngành liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật như Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (luật 68/2006/QH11); luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá (luật 05/2007/QH12); các thông tư, nghị định hướng dẫn thực hiện 02 luật trên (nghị định 132/2008/NĐ-CP, thông tư 21/2007/TT-BKHCN); nghị định 89/2006/NĐ-CP về nhãn hàng hoá; ; nghị định 54/2009/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá; Quyết định 50/2006/QĐ-TTg về Danh mục sản phẩm, hàng hoá phải kiểm tra về chất lượng (trong đó có sản phẩm Dây cáp điện thuộc nhóm hàng do Bộ Khoa học Công nghệ quản lý); Thông tư 21/2009/TT-BKHCN ban hành và thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 4:2009/BKHCN về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử (quy định sản phẩm Dây cáp điện có điện áp dưới và bằng 450/750 V phải gắn dấu Hợp Quy khi lưu thông trên thị trường),... Thực tế, trình độ sản xuất của CADIVI luôn ở mức đạt và vượt chuẩn quy định nên rủi ro về thay đổi những tiêu chuẩn kỹ thuật ít ảnh hưởng đến hoạt động của công ty. Tuy nhiên, trong thời gian sắp đến thì Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 4:2009/BKHCN về an toàn đối với thiết bị điện và điện tử sẽ có sự thay đổi, sản phẩm dây cáp điện mở rộng điện áp lên đến 0,6/1 kV. Điều này sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến các sản phẩm hạ thế của CADIVI đang sản xuất.

Bên cạnh đó, CADIVI đang xâm nhập vào thị trường miền Trung và miền Bắc nên sẽ phải có nhiều thay đổi về mẫu mã, bao bì đóng gói,... Đồng thời, CADIVI cũng sẽ mở rộng xâm nhập vào các nước phát triển như Mỹ, Nhật, Úc,... Hoạt động xuất khẩu của Công ty khi vào các thị trường này sẽ vấp phải các rào cản thuế quan và phi thuế quan. Rào cản phi thuế quan khó khăn nhất là rào cản kỹ thuật (TBT). Sản phẩm CADIVI ngoài việc phải có chất lượng và giá cả ưu việt hơn đối thủ cạnh tranh tại các nước sở tại còn phải đáp ứng các chứng nhận như chứng nhận UL (thị trường Mỹ), chứng nhận SAA (thị trường Úc), chứng nhận JIS, PSE (thị trường Nhật),...

Ngoài ra, với việc Việt Nam tham gia vào các hiệp định thương mại như WTO, TPP thì thị trường trong nước phải cạnh tranh với những đối thủ đến từ các quốc gia khác. Trong trường hợp để bảo vệ

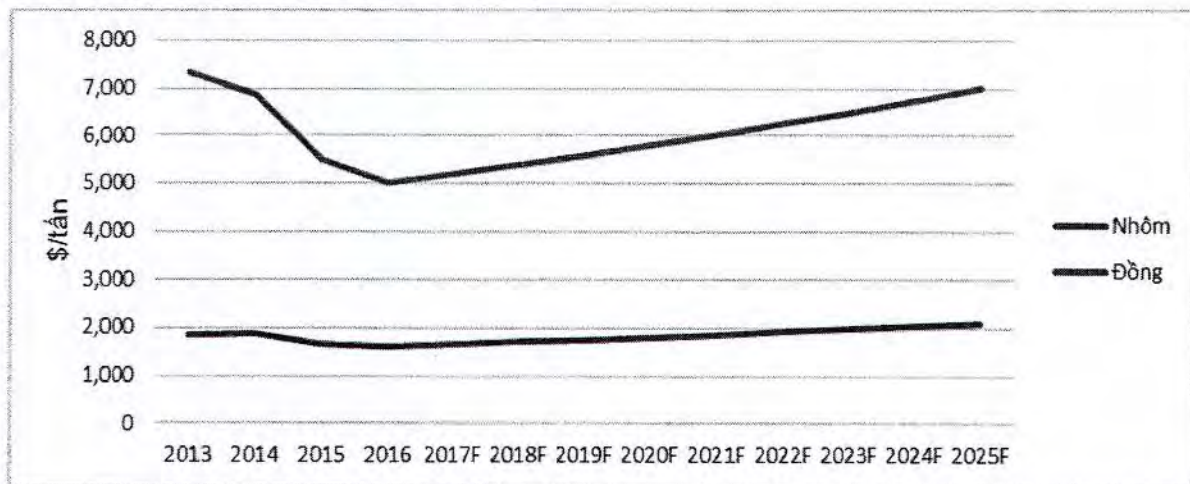
thị trường trong nước khỏi các sản phẩm kém chất lượng thì có thể Việt nam cũng sẽ lập lên các hàng rào kỹ thuật và điều này chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến việc sản xuất của CADIVI do phải tuân thủ thêm các quy định mới.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào:

Giai đoạn vừa qua, giá nguyên vật liệu đầu vào có diễn biến khó lường, tuy nhiên với xu hướng giảm trong những năm vừa qua, đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong ngành. Tỷ trọng nguyên vật liệu so với giá thành sản phẩm của ngành dây cáp điện nói chung và CADIVI nói riêng là khá lớn. Chính vì thế, một sự biến động trong giá nguyên vật liệu (chủ yếu là đồng, nhôm, nhựa) có thể gây tác động rất lớn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Biểu đồ 6. Dự báo giá nguyên liệu đầu vào



Nguồn: Ngân hàng thế giới

Trước những biến động này, CADIVI đã điều hành một chính sách linh hoạt, đánh giá những biến động và có giải pháp điều chỉnh kịp thời. Ngoài ra, với lợi thế là Doanh nghiệp đầu ngành, CADIVI còn thiết lập được một mạng lưới nhà cung cấp rộng lớn trên cả thị trường trong và ngoài nước, từ đó đảm bảo được tính ổn định của nguồn cung và giá cả.

Rủi ro tỷ giá

Rủi ro về tỷ giá luôn là thách thức đối với các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là trong thời điểm tỷ giá có xu hướng tăng. Với đặc thù ngành dây cáp điện là nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn và một phần được nhập khẩu từ các nước lân cận như Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, ... nên khi tỷ giá có biến động mạnh sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặt khác, các sản phẩm của CADIVI được xuất khẩu sang thị trường nước ngoài như Mỹ, Myanmar, Campuchia,... vì thế, những biến động tiêu cực về tỷ giá hối đoái khi nhập khẩu nguyên liệu có thể được bù trừ với hoạt động xuất khẩu dẫn đến CADIVI sẽ không bị ảnh hưởng nhiều từ biến động tỷ giá.

Rủi ro thị trường

Sản phẩm dây cáp điện của CADIVI được nhập vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật đòi hỏi phải có chất lượng rất tốt theo các chuẩn mực kỹ thuật cao. Hiện nay, toàn bộ quy trình sản xuất sản phẩm của Công ty được thực hiện theo những hệ thống quản lý chất lượng đã đạt được, phù hợp với yêu cầu của những thị trường nhập khẩu. Tuy nhiên, nếu có những thay đổi về tiêu chuẩn kỹ thuật của các thị trường tiêu thụ thì sẽ dẫn tới sự xáo trộn trong sản xuất và tăng thêm chi phí của Công ty. Hoạt động xuất nhập khẩu luôn gắn liền với những thông lệ, tập quán quốc tế cũng như những ràng buộc về mặt pháp lý của các nước nhập khẩu. Còn nhiều yếu tố khách quan từ luật pháp các nước sở tại như chính sách bảo hộ, các quy định về mẫu mã, bao bì, thương hiệu sản phẩm có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Áp lực cạnh tranh trong ngành dây cáp điện hiện nay rất lớn khi có gần 200 doanh nghiệp dây cáp điện lớn nhỏ trong nước đang hoạt động. Hệ thống quản lý chất lượng của Nhà nước chưa được chặt chẽ nên có nhiều công ty nhỏ lẻ vì mục đích lợi nhuận đã cho ra đời những sản phẩm có giá bán rẻ nhưng chất lượng thấp, không đảm bảo độ an toàn cho người sử dụng, ảnh hưởng đến thương hiệu và uy tín cho ngành dây cáp điện Việt Nam. Ngoài ra, CADIVI còn phải chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp lớn của nước ngoài, đặc biệt là các thương hiệu lớn trong khu vực ASEAN. Điều này đòi hỏi CADIVI phải nỗ lực trong việc quản lý và vận hành sản xuất, đáp ứng được chất lượng nhưng vẫn giữ được giá thành hợp lý đảm bảo tính cạnh tranh.

4. Rủi ro của đợt chào bán và phương án xử lý khi không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành

Năm 2016, những thông tin khả quan từ kinh tế trong nước, giá hàng hóa thế giới giảm sẽ hỗ trợ lớn cho thị trường trong nước. Lạm phát thấp cũng tạo cơ hội kích cầu thị trường, giảm chi phí cho doanh nghiệp. Thị trường chứng khoán Việt Nam được dự báo là sẽ tiếp tục diễn biến tích cực, thanh khoản được cải thiện. Thêm vào đó, để đảm bảo khả năng thành công, Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam đã có sự thăm dò, phân tích tình hình thị trường để đưa ra mức giá chào bán hợp lý, giảm thiểu rủi ro.

Thêm vào đó, mức giá tham chiếu ngày 30/9/2016 là 98.500 đồng/cổ phiếu, trong khi giá phát hành cho cổ đông lần này là 20.000 đồng/cổ phiếu, do đó, với sự chênh lệch này thì khả năng bán hết cổ phần trong đợt chào bán là hoàn toàn khả thi.

Tuy nhiên, trong trường hợp không thu đủ số tiền như dự kiến từ đợt phát hành, lãnh đạo Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam cũng đã cam kết sẽ chào bán toàn bộ số lượng cổ phiếu không bán hết cho các đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu.

5. Rủi ro pha loãng

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu có thể xảy ra khi CAV thực hiện chào bán thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với giá bán ưu đãi (thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang lưu hành). Đối với đợt chào bán tăng vốn điều lệ của CAV, có một số lưu ý đối với nhà đầu tư về rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau:

Tổng số cổ phiếu chào bán: 28.800.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty với giá chào bán là 20.000 đồng/cp.

Giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh vào ngày giao dịch không hưởng quyền theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(PR_{t-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP chào bán thêm})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu chào bán thêm}}$$

Trong đó:

- P_{tc} : là giá tham chiếu cổ phiếu cần xác định trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán mới để tăng vốn điều lệ, đây là giá cần xác định.

- PR_{t-1} : là giá chứng khoán trên thị trường trước ngày giao dịch không hưởng quyền.
- PR : là giá chào bán.

Ví dụ :

Giả sử giá cổ phiếu CAV vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 88.000 đồng/cổ phiếu (PR_{t-1}). Tổng số lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là 28.800.000 cổ phiếu. Giá chào bán là 20.000 đồng/cp. Số lượng cổ phiếu hiện tại đang lưu hành là 28.800.000 cổ phiếu. Như vậy, ngày giao dịch không hưởng quyền giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh như sau:

$$P_{tc} = \frac{(88.000 \times 28.800.000) + (20.000 \times 28.800.000)}{28.800.000 + 28.800.000} = 54.000 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Ngoài ra, việc thay đổi vốn chủ sở hữu của CAV cũng làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, từ đó ảnh hưởng đến chỉ số EPS hiện tại của CAV.

Tuy nhiên, những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh sau đợt chào bán.

6. Rủi ro quản trị công ty

Đối với bất kỳ doanh nghiệp nào thì việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng cho sự phát triển, do đó gắn liền với chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Để đạt được hiệu quả cao, khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp cần được thiết kế phù hợp với đặc thù văn hóa và chiến lược phát triển riêng của công ty.

Đối với Công ty, việc tăng quy mô vốn sau đợt phát hành sẽ dẫn đến những rủi ro về mặt quản trị Công ty cũng như những khó khăn trong việc quản lý, sử dụng nguồn lực sao cho hiệu quả nhất. Tuy nhiên với một đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm cùng với một phương án phát hành khả thi, Công ty đã hạn chế được rủi ro này.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bao gồm, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến tài sản, hoạt động SXKD của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty.

Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức phát hành**

Ông: Nguyễn Hoa Cương	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà: Vũ Thanh Hương	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Ông: Nguyễn Lộc	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Bà: Dương Liễu Mai Khanh	Chức vụ: Giám đốc Tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Bà: Lê Quang Ngọc Thanh	Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp
-------------------------	---

Giấy Ủy quyền số 12-2016/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 08 tháng 3 năm 2016

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần chứng khoán FPT Chi nhánh TP.HCM tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCK TP.HCM: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HSX”)
- Công ty / CADIVI / CAV: Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng Quản trị
- BTGD: Ban Tổng Giám đốc
- TGD: Tổng Giám đốc
- BKS: Ban Kiểm soát
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam
- Quy chế quản trị Công ty: Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam
- Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam
- ĐKKD: Đăng ký kinh doanh
- SXKD: Sản xuất kinh doanh
- CP: Cổ phần
- Thuế TNDN: Thuế Thu nhập doanh nghiệp
- Thuế TNCN: Thuế Thu nhập cá nhân
- XN: Xí nghiệp
- UBND: Ủy ban Nhân dân
- LĐLĐ: Liên đoàn Lao động
- TP.HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
- PH: Phát hành
- QLDN: Quản lý Doanh nghiệp

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1 Thông tin chung**

- Tên Doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
- Tên tiếng Anh: VIETNAM ELECTRIC CABLE CORPORATION
- Tên viết tắt: CADIVI
- Trụ sở chính: 70 – 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 3829 9443
- Fax: (08) 3829 9437
- Website: www.cadivi.vn
- Email: cadivi@cadivi.vn
- Nơi mở tài khoản:
 - NH TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM:
Số tài khoản: 102010000087634
 - NH TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN TP.HCM:
Số tài khoản: 200014851046872
- Vốn điều lệ hiện tại: 288.000.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi tám tỷ đồng*).

1.2 Ngành nghề kinh doanh chính:

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số mới 0300381564 (số cũ 4103007511) đăng ký lần đầu ngày 08/08/2007, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 26/6/2014 ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam là:

- Sản xuất dây cáp điện;
- Sản xuất khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện;
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại màu;
- Mua bán dây cáp điện, khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại;

- Mua bán sản phẩm từ kim loại màu;
- Kinh doanh nhà ở; đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê;
- Sản xuất thiết bị phụ tùng máy móc, vật tư các loại.

1.3 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Với hơn 41 năm trưởng thành và phát triển cùng với nhiều thách thức, nỗ lực, CADIVI đã từng bước trưởng thành và vươn lên trở thành một trong những Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất các loại dây và cáp điện cũng như liên tục mở rộng sự phát triển của thương hiệu đến những thị trường mới trên thế giới.

Những cột mốc phát triển quan trọng

1975	▪ Quyết định của Tổng Cục Cơ khí Luyện kim và Điện tử số 220/TCCK ngày 6/10/1975. Thành lập Công ty Dây Đồng Miền Nam trực thuộc Tổng Cục Cơ khí.
1976	▪ Quyết định của Hội đồng Chính phủ số 237-CP ngày 3/12/1976. Thành lập Công ty Luyện kim Màu trực thuộc Bộ Cơ khí và Luyện kim.
1982	▪ Quyết định của Bộ Cơ khí và Luyện kim số 210/CL-VP ngày 29/9/1982. Thành lập XNLH Cán Kéo Dây Đồng và Nhôm trực thuộc Bộ Cơ khí và Luyện kim.
1989	▪ Quyết định của Bộ Cơ khí và Luyện kim số 207/CL-TC ngày 6/11/1989 đổi tên XNLH Cán Kéo Dây Đồng và Nhôm thành XN liên hợp Dây và Cáp Điện.
1995	▪ Quyết định của Bộ Công nghiệp nặng số 238 QĐ/TCCBĐT ngày 23/3/1995 về việc đổi tên XNLH Dây và Cáp Điện thành Công ty Dây và Cáp Điện Việt Nam.
2004	▪ Quyết định của Bộ Công nghiệp số 173/2004/QĐ-BCN ngày 21/12/2004 về việc chuyển Công ty Dây và Cáp Điện Việt Nam thành Công ty TNHH Nhà nước MTV Dây và Cáp Điện Việt Nam.
2007	▪ Quyết định của Bộ Công nghiệp số 2226/QĐ-BCN ngày 28/6/2007 phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Dây và Cáp Điện Việt Nam thành Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Nam.
Tháng 9/2007	▪ Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận trở thành Công ty đại chúng.

2009	<ul style="list-style-type: none"> Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam hoàn tất thực hiện Nghị quyết đại hội cổ đông, phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 192.000.000.000 (<i>Một trăm chín mươi hai tỷ</i>) đồng.
2012	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt tăng vốn điều lệ từ 192.000.000.000 đồng lên 249.599.952.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300381564 đăng ký lần đầu ngày 08/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12/12/2012.
2013	<ul style="list-style-type: none"> Công ty tăng vốn điều lệ lên 288.000.000.000 (<i>Hai trăm tám mươi tám tỷ</i>) đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300381564 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26/06/2014.
2014	<ul style="list-style-type: none"> Ngày 8/12/2014, Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam đã chính thức niêm yết 28.800.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CAV.
2015	<ul style="list-style-type: none"> CADIVI được xếp hạng VNR500 - 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2015.
2016	<ul style="list-style-type: none"> Chấm dứt hoạt động các chi nhánh CTCP Dây cáp điện Việt Nam: Chi nhánh Miền Bắc, Chi nhánh Miền Trung, Xí nghiệp Long Biên; Thành lập CTCP CADIVI Miền Bắc; Chuyển đổi CTCP CADIVI Miền Bắc thành Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc; Đổi tên Xí nghiệp Thành Mỹ thành Nhà máy CADIVI Miền Đông; Đổi tên Xí nghiệp Tân Á thành Nhà Máy CADIVI Sài Gòn.

1.4 Các thành tích:

Trải qua 41 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển, CADIVI đã:

❖ **Được Nhà nước trao tặng các danh hiệu:**

- Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới năm 2005;
- Huân chương Độc lập hạng ba (năm 2000), hạng nhì (năm 2012);
- Huân chương lao động hạng nhất năm 1996; Huân chương lao động hạng Nhất lần thứ 2 (năm 2015);

- Huân chương lao động hạng nhì (năm 1990);
- Huân chương lao động hạng ba (năm 1985 và 1986);
- Huân chương chiến công hạng ba (năm 1992);
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (Năm 2006, 2008);
- Bằng khen của Bộ Tài nguyên và Môi trường vì có nhiều thành tích đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ môi trường VN năm 2008, 2009;
- Bằng khen của Ủy Ban Quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế (2006, 2008, 2009);
- Được Thủ tướng Chính phủ lựa chọn là Thương hiệu quốc gia (2008, 2010, 2012, 2014);
- Giải thưởng môi trường TP.HCM năm 2014 do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP.HCM bình chọn và trao tặng;
- Cờ luân lưu của Chính phủ các năm 1993, 1994, 1995, 2001, 2002, 2003, 2004;
- Cờ và bằng khen công đoàn cơ sở vững mạnh của Tổng LĐLĐ Việt Nam các năm 1994, 1997, 1998, 2000, 2002, 2003, 2004;
- Cờ công đoàn cơ sở vững mạnh của Công đoàn Công nghiệp Việt Nam từ năm 2001 – 2004;
- Bằng khen của UBND TP.HCM, UBND tỉnh Đồng Nai, Tổng LĐLĐ Việt Nam, Công đoàn ngành, Liên đoàn Lao động TP.HCM và tỉnh Đồng Nai từ năm 1995 – 2004;
- Cờ thi đua xuất sắc của UBND TP.HCM các năm 1998, 2001;
- Cờ thi đua Chính phủ các năm 1993, 1994, 1995, 2001, 2002, 2003, 2004, 2009, 2010 & năm 2012, 2014;
- Và nhiều cờ thi đua, bằng khen của các tổ chức khác trao tặng.

❖ **Riêng về lĩnh vực chất lượng, CADIVI đã đạt được:**

- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9002: 1994 do tổ chức AFAQ và QUACERT cấp năm 1998 và ISO 9001:2000 do tổ chức QUACERT cấp năm 2002, 2005 và các năm 2008, 2010, 2011, 2014;
- Giải nhất Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương 2009 (IAPQA 2009); Giải vàng Chất lượng Việt Nam do Bộ Khoa học và Công nghệ tặng năm 2008 ; giải thưởng CLVN 2007;
- Danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” trong 20 năm liên tục, từ năm 1997 đến các năm 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016;

- Danh hiệu 16 năm cống hiến vì người tiêu dùng do Hội doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao TP HCM trao tặng (2012), 18 năm liên tục HVNCLC (2014);
- Top 10 thương hiệu tiêu biểu VN đoạt giải thưởng Sao Vàng đất Việt 2009 và Giải thưởng “Sao vàng đất Việt” năm 2004, 2006, 2007, 2008;
- Danh hiệu Doanh nghiệp TP HCM tiêu biểu năm 2013;
- Danh hiệu doanh nghiệp sáng tạo năm 2014;
- Cúp vàng Vì sự nghiệp bảo vệ môi trường Việt Nam do Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam trao tặng 2008, 2009;
- Giải thưởng môi trường TP Hồ Chí Minh năm 2014;
- Danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất VN 2015 do Forbes VN bình chọn;
- Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2015;
- Đạt danh hiệu Doanh nghiệp Xuất khẩu uy tín năm 2007, 2008, 2009, 2010, 2012-2013, 2014 do Bộ Công thương xét chọn;
- Đứng trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất VN năm 2007, 2010, 2011, 2014, 2015;
- Chứng nhận Nhà cung cấp chất lượng-Trusted Quality Supplier 2013;
- Chứng nhận Doanh nghiệp mạnh và phát triển bền vững năm 2014;
- Giải thưởng “Top 100 Doanh nghiệp tiêu biểu ASEAN” năm 2014;
- Đạt giải thưởng Thương hiệu chứng khoán uy tín – 2009 và danh hiệu Công ty đại chúng tiêu biểu dành cho các doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường chứng khoán VN;
- Giải thưởng “Doanh nghiệp vì Cộng đồng lần I” năm 2009 do Bộ Công thương bình chọn;
- Danh hiệu Top Siêu cúp Nhãn hiệu Nổi tiếng Quốc gia do Hội sở hữu trí tuệ VN trao tặng năm 2008, top 10 nhãn hiệu nổi tiếng nhất VN 2013;
- Đạt giải thưởng Doanh nghiệp xuất sắc toàn quốc lần thứ I năm 2009 do Bộ Công thương chứng nhận;
- Bằng khen Top 15 doanh nghiệp xuất sắc nhất giải thưởng “Doanh nghiệp Hội nhập và phát triển” năm 2007 do Ban Tuyên Giáo – Đảng CS VN trao tặng;
- Chứng nhận “Thương hiệu dẫn đầu Hàng VN chất lượng cao” do người tiêu dùng bình chọn qua cuộc điều tra do báo Sài Gòn tiếp thị tổ chức năm 2007;

- Chứng nhận nằm trong bảng xếp hạng 200 doanh nghiệp lớn nhất VN do UNDP công bố (Top 200);
- Chứng nhận đạt giải thưởng “Thương hiệu mạnh VN” 2004-2005-2006 do Thời báo kinh tế VN trao giải;
- “Thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam” do người tiêu dùng bình chọn năm 2006 trong chương trình Thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Công ty AC Nielsen Việt Nam thực hiện;
- Danh sách 100 Thương hiệu mạnh VN 2006 do người tiêu dùng bình chọn qua cuộc điều tra do báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức;
- Cúp vàng Thương hiệu ngành xây dựng VN tại triển lãm quốc tế Vietbuld 2007 – Xây dựng-Vật liệu xây dựng-Nhà ở & trang trí nội ngoại thất;
- Cúp vàng sản phẩm Việt uy tín chất lượng 2006;
- Cúp vàng Thương hiệu Công nghiệp hàng đầu VN năm 2006 do Bộ Công nghiệp tặng;
- Đạt Nhãn hiệu Nổi tiếng Quốc gia trong chương trình Tư vấn & Bình chọn Nhãn hiệu cạnh tranh – Nổi tiếng quốc gia 2006;
- Chứng nhận Cúp vàng ISO năm 2006 do Bộ Khoa học và Công nghệ chứng nhận;
- Được bình chọn thương hiệu “Việt Nam Tốt Nhất” năm 2007 trong lĩnh vực Thiết Bị Điện do Báo Điện Tử VietnamNet chứng nhận;
- Được tặng cúp Vì sự nghiệp phát triển năng lượng Việt Nam 2007 do Hiệp hội Đầu tư Xây dựng năng lượng VN (VEA) trao;
- Công ty được UBND TP. Hồ Chí Minh chọn là sản phẩm Công nghiệp chủ lực của TPHCM;
- Thương hiệu được ưa thích nhất các năm 1998, 2001;
- Cúp “Ngôi sao chất lượng” năm 2003;
- Nhãn hiệu có uy tín tại Việt nam năm 2003;
- Danh hiệu “Thương hiệu nổi tiếng với người tiêu dùng” năm 2004, 2005, 2006, 2007;
- Cúp Vàng Topten sản phẩm uy tín chất lượng hàng đầu năm 2005;
- Nằm trong danh sách “50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam” do Forbes VN bình chọn 2015, 2016;

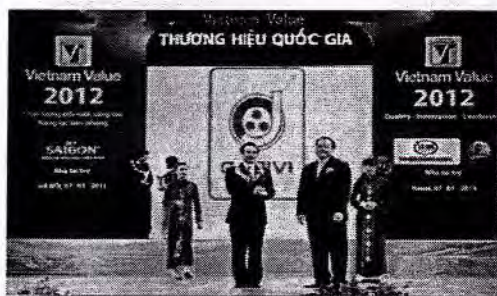
- Nằm trong danh sách “50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam” năm 2015, năm 2016 do tạp chí Nhịp cầu đầu tư thực hiện;
- Nằm trong danh sách “Top 50 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam” do Brand Finance (Anh) bình chọn 2015;
- Top 100 thương hiệu Việt bền vững lần thứ 2 (năm 2015);
- Top 100 Doanh nghiệp tiêu biểu ASEAN 2014;
- Doanh nhân doanh nghiệp xuất sắc ASEAN 2015;
- Thương hiệu được ưa thích ASEAN 2015;
- Sản phẩm dịch vụ chất lượng ASEAN 2015;
- Và nhiều Huy chương Vàng, Huy chương Bạc cho các loại sản phẩm của CADIVI tại các kỳ hội chợ quốc gia và quốc tế.



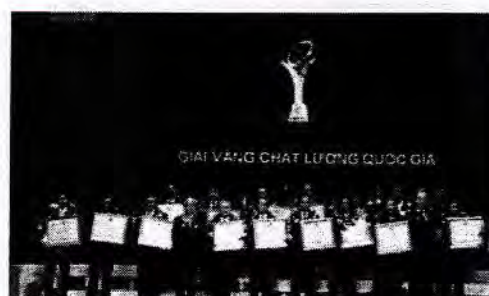
Hàng Việt Nam chất lượng cao – 17 năm liền



Top 10 Giải thưởng Sao Vàng đất Việt



Thương hiệu quốc gia



Giải vàng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia



**Giải nhất Chất lượng Quốc tế Châu Á -
Thái Bình Dương (IAPQA) 2009**



**Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất
Việt Nam năm 2012**

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Biểu đồ 7. Sơ đồ tổ chức Công ty



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

- Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất công ty.
- Hội đồng Quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc

Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam. ĐHCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận, thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty, thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền khác theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Hội Đồng Quản Trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty.

Ông Nguyễn Hoa Cường	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Nghĩa Dân	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Lộc	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Hoài Thanh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đình Hùng	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm Soát

Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên.

Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Dư Vĩnh Hồng Quân	Thành viên BKS
Ông Ngô Quang Hùng	Thành viên BKS

Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc của Công ty bao gồm: 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc.

Ban Tổng giám đốc hiện nay của Công ty là những người có kinh nghiệm quản lý và điều hành kinh doanh.

Ông Nguyễn Lộc

Thành viên HĐQT kiêm TGD

Ông Lê Quang Định

Phó Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Quốc Toàn

Phó Tổng Giám đốc

*Chức năng & Nhiệm vụ của các Phòng Ban:**Phòng Kế toán – Tài chính:*

Chức năng: Quản lý và thực hiện công tác tài chính và quản lý thực hiện công tác kế toán.

Nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ quản lý công tác tài chính:
 - Lập, tổ chức thực hiện, theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tài chính của Công ty;
 - Thực hiện công tác quản trị tài chính, tư vấn cho Tổng giám đốc về việc huy động và cân đối các nguồn vốn;
 - Huy động và quản lý các nguồn vốn của Công ty theo yêu cầu của Tổng giám đốc và theo Quy chế Tài chính của Công ty;
 - Quản lý tiền mặt và tài sản có giá trị như tiền tại Cơ quan Công ty;
 - Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán;
 - Công tác quản lý cổ phiếu và cổ đông: quản lý sổ cổ đông; thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến quyền lợi của cổ đông như chi trả cổ tức, theo dõi việc chuyển nhượng cổ phiếu, ...;

- Tham mưu cho Tổng giám đốc về các công tác liên quan đến cổ phiếu của Công ty.
- Nhiệm vụ quản lý công tác kế toán:
 - Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán của Cơ quan Công ty và toàn Công ty theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán của nước CHXHCN Việt Nam. Tổ chức công tác kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp;
 - Tuân thủ Luật Kế toán về: yêu cầu kế toán, nguyên tắc kế toán, quản lý và sử dụng chứng từ kế toán, nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán;
 - Cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu kế toán kịp thời, đầy đủ và trung thực cho các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty; các báo cáo tài chính định kỳ theo chuẩn mực và chế độ kế toán quy định;
- Nhiệm vụ quản lý công tác kế toán quản trị
 - Thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán theo phạm vi, nội dung kế toán quản trị của Công ty xác định theo từng thời kỳ phục vụ yêu cầu của Tổng giám đốc;
 - Kiểm tra, giám sát các đơn vị trong Công ty về việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, dự toán do Công ty ban hành;
 - Cung cấp thông tin theo yêu cầu quản trị nội bộ của Công ty bằng báo cáo kế toán quản trị;
 - Tổ chức phân tích thông tin phục vụ cho yêu cầu lập kế hoạch và ra quyết định của Tổng giám đốc;
- Nhiệm vụ công tác ISO và quản lý hồ sơ, tài liệu
 - Lập kế hoạch chất lượng hàng năm, thực hiện, sơ kết 6 tháng, tổng kết năm;
 - Lập các báo cáo về hoạt động chất lượng theo quy định của Công ty, Tổng công ty, Nhà nước;
 - Cử chuyên gia đánh giá nội bộ của Phòng tham gia các đợt đánh giá nội bộ của Cơ quan và Công ty;
 - Thực hiện kiểm soát tài liệu theo thủ tục kiểm soát tài liệu.

Phòng Nhân sự - Hành chính:

Chức năng: Quản lý công tác nhân lực và quản lý công tác hành chính, quản lý Công tác y tế, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, môi trường, bảo vệ, tự vệ, phòng cháy chữa cháy.

Nhiệm vụ:

- Quản lý công tác nhân lực:

- Phát triển nguồn nhân lực;
- Tiền lương và thu nhập của người lao động;
- Chế độ và chính sách đối với người lao động:
 - Tham mưu, đề xuất các biện pháp xử lý khiếu nại, tranh chấp lao động theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty;
 - Phối hợp với Công đoàn Công ty trong các hoạt động xã hội và thực hiện các chính sách, chế độ có liên quan đến người lao động.
- Quản lý công tác hành chính và an ninh:
 - Tiếp nhận và xử lý các văn bản và tài liệu gửi đến Công ty và gửi đi từ Công ty (qua đường bưu điện, fax, internet, ...);
 - Quản lý, sử dụng hồ sơ hành chính, con dấu, tổng đài điện thoại và mạng nội bộ theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty;
 - Quản lý lịch công tác, giao ban, hội họp, sinh hoạt định kỳ và bất thường;
 - Tổ chức thực hiện công tác lễ tân, chuẩn bị hội họp và tập vụ (ăn, uống, vệ sinh...);
 - Quản lý (lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, theo dõi, tổng hợp, phân tích, báo cáo) công tác mua sắm, sử dụng, sửa chữa, bảo trì điện, nước, văn phòng phẩm, trang thiết bị, tài sản của Cơ quan Công ty;
 - Đề xuất sửa chữa, cải tạo trụ sở, công trình kiến trúc tại Cơ quan Công ty;
 - Điều phối xe đi công tác; đặt vé máy bay, vé tàu; đặt phòng khách sạn; làm thủ tục xin cấp, gia hạn hộ chiếu cho CBCNV Công ty đi công tác nước ngoài;
 - Thực hiện công tác đối ngoại với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan theo phân cấp và ủy quyền của Tổng giám đốc;
- Công tác y tế, kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, môi trường, bảo vệ, tự vệ, phòng cháy chữa cháy.
- Công tác duy trì và áp dụng thường xuyên các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý:
 - Duy trì và áp dụng thường xuyên các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý: ISO, TQM, BSC, 5S, LEAN, ...;
 - Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch chất lượng hàng năm;
 - Lập các báo cáo về hoạt động chất lượng theo quy định;
 - Thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu theo thủ tục kiểm soát hồ sơ, thủ tục kiểm soát tài liệu;

- Biên soạn, cập nhật và tổ chức thực hiện các thủ tục, hướng dẫn liên quan đến công việc của Phòng theo hệ thống;
- Cử chuyên gia đánh giá nội bộ của Phòng tham gia các đợt đánh giá nội bộ của Cơ quan và Công ty.

Phòng Kinh doanh:

Chức năng:

- Nghiên cứu, phát triển thị trường trong và ngoài nước;
- Tiếp thị, quảng cáo, xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu trong và ngoài nước;
- Hoạch định và tổ chức thực hiện công tác bán hàng tập trung trong và ngoài nước;
- Quản lý kho thành phẩm;
- Kiểm soát hợp đồng bán hàng;
- Kiểm soát công nợ;
- Quản lý đại lý, chăm sóc khách hàng;
- Xây dựng các chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thị trường.

Nhiệm vụ:

- Công tác nghiên cứu, phát triển thị trường trong và ngoài nước;
- Công tác tiếp thị, quảng cáo, xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu trong và ngoài nước;
- Hoạch định, tổ chức điều hành công tác bán hàng;
- Công tác quan hệ quốc tế, xuất khẩu sản phẩm;
- Quản lý kho thành phẩm;
- Công tác cung ứng sản phẩm cho các chi nhánh;
- Công tác kiểm soát hợp đồng bán hàng;
- Công tác kiểm soát công nợ;
- Công tác quản lý đại lý;
- Công tác chăm sóc khách hàng, hậu mãi;
- Công tác duy trì và áp dụng thường xuyên các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý.

Phòng Đấu Thầu:

Chức năng:

- Đấu thầu, chào giá;
- Tiếp cận dự án;

- Hỗ trợ công tác bán hàng, giao hàng và kiểm soát công nợ khách hàng thầu, chào giá, dự án.

Nhiệm vụ:

- Công tác đấu thầu, chào giá:
 - Nghiên cứu tham gia đấu thầu các dự án ngành điện và các dự án khác trong và ngoài nước;
 - Thu thập thông tin và lựa chọn các gói thầu, chào giá có thể tham gia;
 - Phân tích yêu cầu thầu, chào giá và xác nhận tham gia dự thầu, chào giá;
 - Chuẩn bị và gửi hồ sơ dự thầu, chào giá;
 - Đề xuất phương án giá cho các gói thầu, chào giá;
 - Theo dõi bổ sung hồ sơ dự thầu, chào giá;
 - Tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả đấu thầu, chào giá báo cáo lãnh đạo theo định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm;
 - Báo cáo tình hình đấu thầu hàng tuần cho Tổng giám đốc;
 - Tổng hợp, phân tích các đối thủ cạnh tranh qua công tác đấu thầu theo định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm để tham mưu cho lãnh đạo Công ty các phương án thích hợp;
 - Thực hiện công tác chăm sóc khách hàng thầu, chào giá, lập và quản lý hồ sơ khách hàng;
 - Xây dựng các chính sách bán hàng riêng cho công tác đấu thầu, chào giá;
- Công tác tiếp cận dự án:
 - Thu thập và tổng hợp thông tin thị trường và đối thủ cạnh tranh đối với khách hàng doanh nghiệp, dự án, công trình;
 - Lập danh sách khách hàng tiềm năng, nắm bắt hoạt động, tình hình tài chính của khách hàng, lập và quản lý hồ sơ khách hàng, đề xuất các kế hoạch/phương án tiếp cận, gặp gỡ, chăm sóc khách hàng nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm/dịch vụ CADIVI vào các dự án;
 - Tiếp cận các công ty tư vấn thiết kế, chủ đầu tư, các nhà thầu M&E để nắm bắt, cập nhật các thông tin dự án, đề xuất các giải pháp đưa thương hiệu CADIVI vào danh sách các nhà cung cấp ngay từ đầu;
 - Liên hệ, tìm hiểu nhu cầu của khách hàng, giải thích, tư vấn và hướng dẫn về tính năng kỹ thuật, cách sử dụng, chọn lựa sản phẩm cũng như các vấn đề liên quan đến chất lượng, giá cả cho khách hàng;
 - Phân tích yêu cầu và đề xuất tham gia dự án hoặc hỗ trợ các đại lý tham gia dự án;
 - Đề xuất phương án giá cho các dự án, công trình;

- Tổng hợp, phân tích các đối thủ cạnh tranh qua công tác tiếp cận dự án để tham mưu, đề xuất cho Lãnh đạo Công ty các phương án giá thích hợp với từng dự án;
- Lập báo cáo tổng hợp, phân tích, kiến nghị, đề xuất về công tác tiếp cận dự án định kỳ hàng tuần, tháng, quý, năm;
- Xây dựng các chính sách bán hàng riêng cho công tác tiếp cận dự án.
- Hỗ trợ công tác bán hàng, giao hàng và kiểm soát công nợ khách hàng thầu, chào giá, dự án: Khi trúng thầu, chào giá hoặc khách hàng dự án muốn mua hàng trực tiếp tại Công ty, Phòng Đấu thầu tổ chức thương thảo, ký hợp đồng bán hàng sau đó bàn giao lại cho Phòng Kinh doanh thực hiện hợp đồng.
- Công tác duy trì và áp dụng thường xuyên các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý:
- Duy trì và áp dụng thường xuyên các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý: ISO, TQM, BSC, 5S, LEAN, ...;
- Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch chất lượng hàng năm;
- Lập các báo cáo về hoạt động chất lượng theo quy định;
- Thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu theo thủ tục kiểm soát hồ sơ, thủ tục kiểm soát tài liệu;
- Biên soạn, cập nhật và tổ chức thực hiện các thủ tục, hướng dẫn liên quan đến công việc của Phòng theo hệ thống;
- Cử chuyên gia đánh giá nội bộ của Phòng tham gia các đợt đánh giá nội bộ của Cơ quan và Công ty.

Phòng Sản xuất:

Chức năng và nhiệm vụ chính:

- Công tác kế hoạch
 - Căn cứ vào nhu cầu thị trường, kết quả kinh doanh kỳ trước, hợp đồng bán sản phẩm, tồn kho, năng lực sản xuất của các chi nhánh, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn và dài hạn theo chiến lược phát triển của Công ty;
 - Tính toán nhu cầu vật tư chủ yếu để cung ứng cho các chi nhánh;
 - Chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan lập các báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi toàn Công ty theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty, Tổng công ty và Nhà nước.

- Công tác điều độ sản xuất
 - Triển khai và tổ chức điều độ sản xuất các kế hoạch sản xuất ngắn hạn của Công ty;
 - Theo dõi tiến độ sản xuất của các chi nhánh, đơn đốc nhắc nhở tiến độ các sản phẩm chậm so với kế hoạch giao hàng, đề nghị điều chỉnh tiến độ sản xuất của chi nhánh khi không phù hợp với kế hoạch đã giao;
 - Điều phối hoạt động sản xuất của các đơn vị trong toàn Công ty căn cứ vào năng lực thiết bị và lợi thế của từng đơn vị;
 - Phối hợp với các phòng có liên quan hỗ trợ chi nhánh trong việc kiểm soát quá trình sản xuất. Chủ trì xử lý các sản phẩm không phù hợp;
 - Phối hợp với phòng Thương mại để giải quyết khiếu nại của khách hàng.
- Công tác tính giá
 - Phối hợp với các phòng có liên quan để xây dựng kết cấu giá;
 - Trên cơ sở các thông tin về giá cả vật tư, nguyên liệu đầu vào, kết cấu giá đã được duyệt để tính các phương án giá cho bộ phận bán hàng, bộ phận đấu thầu và dự án, các bộ phận khác theo yêu cầu;
 - Quản lý các hồ sơ tính giá theo quy chế “MẬT”.
- Công tác cung ứng
 - ❖ Kiểm soát vật tư, thiết bị sản xuất:
 - Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh, tồn kho, lập kế hoạch cung ứng vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất trong toàn Công ty để đáp ứng yêu cầu sản xuất và dự phòng hợp lý;
 - Tổ chức thực hiện cung ứng vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất đúng chủng loại, đủ số lượng và kịp tiến độ sản xuất;
 - Kiểm soát chặt tồn kho vật tư, nguyên liệu chính trong toàn Công ty: tổ chức thống kê vật tư, nguyên liệu nhập, xuất, tồn, sử dụng trong kỳ; định kỳ tổng hợp báo cáo tồn kho vật tư chủ yếu (15 ngày, hàng tháng);
 - Định kỳ quyết toán vật tư. Tổ chức họp quyết toán vật tư hàng quý để phân tích, đánh giá việc sử dụng vật tư của các đơn vị trong toàn Công ty và đề ra các biện pháp sử dụng vật tư có hiệu quả và tiết kiệm;
 - Theo dõi giá cả vật tư chủ yếu để tham mưu cho Tổng giám đốc quyết định thời điểm, số lượng, giá mua hợp lý. Kiểm soát giá mua vật tư, nguyên liệu toàn Công ty;

- Thực hiện các hoạt động mua, bán vật tư, nguyên liệu chủ yếu, máy móc, thiết bị phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ❖ Kiểm soát hợp đồng mua vật tư, thiết bị sản xuất:
 - Xác nhận các yêu cầu mua hàng và trình duyệt;
 - Lập và thương thảo các hợp đồng mua hàng;
 - Theo dõi thực hiện hợp đồng, làm thủ tục nhận hàng;
 - Tổ chức nghiệm thu hàng và xử lý các tranh chấp về hợp đồng mua;
 - Phối hợp với các đơn vị liên quan làm thủ tục thanh toán và thanh lý hợp đồng mua hàng;
 - Tổ chức đánh giá nhà cung cấp về trình độ công nghệ, năng lực sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm và thời gian giao hàng;
 - Tiếp nhận thông tin của phòng Quản lý chất lượng, phòng Kỹ thuật Cơ điện và các chi nhánh về chất lượng hàng mua để phản hồi cho nhà cung cấp.
- Quản lý kho vật tư, bán thành phẩm:
 - Tổ chức quản lý kho: sắp xếp, phân loại vật tư, bán thành phẩm ngăn nắp, sạch sẽ, an toàn, tuân thủ các quy định về bảo quản hàng hóa. Tuân thủ quy trình lưu kho: chế độ ghi sổ, thẻ kho, thủ tục xuất, nhập kho;
 - Thực hiện xuất nhập vật tư, bán thành phẩm. Lưu trữ chứng từ, cập nhật và báo cáo kịp thời, chính xác chủng loại, số lượng nhập, xuất, tồn kho định kỳ theo quy định của Công ty;
 - Tổ chức kiểm kê, đánh giá giá trị vật tư, bán thành phẩm tồn kho định kỳ theo quy định của Công ty;
 - Tập hợp, báo cáo và đề xuất xử lý vật tư, bán thành phẩm tồn kho lâu ngày không còn giá trị sử dụng.
- Tổ chức và kiểm soát vận tải:
 - Lập kế hoạch vận tải vật tư, nguyên liệu;
 - Lựa chọn nhà cung ứng dịch vụ vận tải, thương lượng và ký kết hợp đồng vận tải;
 - Làm thủ tục giao, nhận hàng, vận chuyển đến nơi nhận;
 - Giám sát quá trình vận tải, làm thủ tục thanh toán chi phí vận tải;
 - Giải quyết các vấn đề liên quan đến vận tải.
- Công tác ISO và quản lý hồ sơ, tài liệu
 - Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch chất lượng hàng năm;

- Lập các báo cáo về hoạt động chất lượng theo quy định;
- Cử chuyên gia đánh giá nội bộ của Phòng tham gia các đợt đánh giá nội bộ của Cơ quan và Công ty;
- Thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu theo thủ tục kiểm soát hồ sơ, thủ tục kiểm soát tài liệu;
- Xây dựng và cập nhật các thủ tục, hướng dẫn liên quan đến công việc của Phòng theo hệ thống.

Phòng Kỹ thuật cơ điện

Chức năng và nhiệm vụ chính:

- Quản lý công nghệ sản xuất
 - Công tác hướng dẫn và theo dõi sản xuất;
 - Công tác theo dõi công nghệ;
 - Công tác tiêu chuẩn;
 - Công tác giải quyết khiếu nại;
 - Công tác định mức vật tư;
 - Công tác đào tạo.
- Quản lý thiết bị phần cơ khí
- Quản lý thiết bị phần điện và PLC
- Quản lý thông số kỹ thuật sản phẩm
- Công tác duy trì và áp dụng thường xuyên các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý

Phòng Quản lý Chất lượng:

Chức năng và nhiệm vụ chính:

- Kiểm tra, giám sát việc áp dụng các tiêu chuẩn vật tư, sản phẩm trong sản xuất:
 - Tổ chức, quản lý nghiệp vụ và giám sát các hoạt động của phòng Quản lý chất lượng; tổ chức thực hiện công tác kiểm tra chất lượng vật tư, sản phẩm trong toàn Công ty theo quy định của pháp luật, quy định của cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan và theo quy định của Công ty;

- Tổ chức thực hiện kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận chất lượng các vật tư đầu vào theo quy định của Công ty;
- Biên soạn và triển khai hướng dẫn quản lý chất lượng khi có yêu cầu sản xuất sản phẩm mới hoặc sản xuất sản phẩm truyền thống có các chỉ tiêu phức tạp để phục vụ công tác kiểm tra tại chi nhánh;
- Giám sát việc thực hiện theo các tiêu chuẩn, thủ tục, hướng dẫn kiểm soát chất lượng ở các công đoạn trong quá trình sản xuất tại chi nhánh;
- Thực hiện lấy mẫu, kiểm tra thử nghiệm, làm thủ tục chứng nhận và nghiệm thu chất lượng sản phẩm của Công ty;
- Tham gia giải quyết khiếu nại của khách hàng về chất lượng sản phẩm CADIVI;
- Định kỳ thực hiện thống kê, tổng hợp tình hình chất lượng sản phẩm của Công ty và báo cáo Lãnh đạo;
- Đánh giá tình hình chất lượng sản phẩm của Công ty, đối sánh chất lượng sản phẩm CADIVI với các nhà sản xuất dây cáp điện khác (khi có yêu cầu);
- Nghiên cứu các phương pháp quản lý chất lượng mới để đề xuất áp dụng nhằm nâng cao năng lực quản lý chất lượng của Công ty;
- Quản lý công tác đo lường và phương tiện đo:
 - Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật, của cơ quan quản lý Nhà nước về công tác đo lường; xây dựng và ban hành các quy định cần thiết cho công tác quản lý đo lường trong toàn Công ty;
 - Quản lý phương tiện đo dùng để kiểm tra chất lượng sản phẩm trong toàn Công ty; hướng dẫn sử dụng, bảo quản phương tiện đo; hướng dẫn việc thực hiện phép đo nhằm đảm bảo đo lường thống nhất và chính xác, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo dõi tình trạng hoạt động và đo lường của phương tiện đo; đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết những vấn đề không phù hợp liên quan đến phương tiện đo (trang bị mới, điều chuyển, bảo trì/ sửa chữa, kiểm định/ hiệu chuẩn, thanh lý, ...);
 - Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm định/ hiệu chuẩn, bảo trì phương tiện đo tại Phòng Quản lý chất lượng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kế hoạch kiểm định/ hiệu chuẩn, bảo trì phương tiện đo của chi nhánh;
 - Tổ chức thực hiện hiệu chuẩn nội bộ cho các phương tiện đo (panme, thước cặp, thiết bị chỉ thị nhiệt độ) sử dụng để kiểm soát quá trình sản xuất tại các chi nhánh;

- Phối hợp với các bộ phận, đơn vị trực thuộc Công ty trong việc đào tạo/ huấn luyện, hướng dẫn phương pháp đo lường mới.
- Công bố và áp dụng các tiêu chuẩn sản phẩm
 - Thực hiện công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hoá CADIVI theo quy định của pháp luật và cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan. Giám sát việc đảm bảo chất lượng sản phẩm, hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn chất lượng đã công bố; kiểm tra và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, hàng hoá của CADIVI; báo cáo cấp thẩm quyền khi phát hiện vi phạm và đề xuất các biện pháp xử lý;
 - Tổ chức thực hiện chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy) cho sản phẩm hàng hoá CADIVI theo quy định của pháp luật, của cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan hoặc theo nhu cầu của Công ty;
 - Tổ chức thực hiện chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm CADIVI theo tiêu chuẩn quốc tế do tổ chức chứng nhận nước ngoài thực hiện theo nhu cầu của Công ty;
 - Thực hiện công bố sản phẩm, hàng hoá CADIVI phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (công bố phù hợp) theo quy định của pháp luật và cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan. Kiểm tra, giám sát, đảm bảo duy trì liên tục tính phù hợp của sản phẩm, hàng hoá CADIVI với tiêu chuẩn/ quy chuẩn tương ứng; duy trì việc kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ tại các đơn vị; báo cáo cấp có thẩm quyền khi phát hiện vi phạm và đề xuất các biện pháp xử lý.
- Quản lý tài liệu, hồ sơ chất lượng
 - Thực hiện kiểm soát, cập nhật các tiêu chuẩn, các văn bản quy phạm pháp luật, các tài liệu quan đến công tác đo lường, công tác kiểm tra thử nghiệm, công tác quản lý chất lượng sản phẩm hàng hoá, ... theo quy định của pháp luật, của cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan và theo quy định của Công ty;
 - Thực hiện kiểm soát, lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác đo lường, công tác kiểm tra thử nghiệm, công tác quản lý chất lượng sản phẩm hàng hoá, ... theo quy định của pháp luật, của cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan và theo quy định của Công ty;
 - Kiểm tra, giám sát việc quản lý tài liệu, hồ sơ liên quan đến chất lượng sản phẩm tại các chi nhánh.

Phòng Nghiên cứu và phát triển

Chức năng và nhiệm vụ chính:

- Công tác nghiên cứu thị trường
 - Phối hợp với các bộ phận liên quan nghiên cứu, tìm hiểu nhu cầu và xu hướng của thị trường, các sản phẩm đồng dạng đang bị cạnh tranh trực tiếp để đề xuất sản phẩm mới hoặc cải tiến, nâng cấp sản phẩm hiện có;
 - Nghiên cứu, tìm hiểu các nhà cung cấp thiết bị để đề xuất cải tiến công nghệ sản xuất.
 - Nghiên cứu, tìm hiểu các nhà cung cấp vật tư để đề xuất sử dụng vật liệu mới nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm;
 - Nghiên cứu, tìm hiểu các đối tác để đề xuất hợp tác, liên kết, gia công sản xuất các công đoạn, các sản phẩm mà Công ty chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng không hiệu quả.
- Công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Chủ trì đề xuất, phối hợp, theo dõi, đôn đốc các phòng, nhà máy, chi nhánh có liên quan trong việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:
 - Đề xuất nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới;
 - Nghiên cứu thiết kế, hướng dẫn công nghệ, tổ chức sản xuất thử, đề xuất thiết bị mới cần thiết để sản xuất thử;
 - Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm, hoàn tất hồ sơ (hướng dẫn sản xuất, quy định, tiêu chuẩn,...);
 - Đề xuất sản xuất với quy mô nhỏ để thăm dò thị trường;
 - Báo cáo kết quả thăm dò thị trường và đề xuất sản xuất quy mô thương mại nếu thị trường có sức tiêu thụ lớn;
 - Tham gia các hoạt động chuyển giao, áp dụng công nghệ mới.
- Công tác nghiên cứu cải tiến và nâng cấp công nghệ sản phẩm hiện có

Chủ trì đề xuất, phối hợp, theo dõi, đôn đốc các phòng, nhà máy, chi nhánh có liên quan trong việc nghiên cứu cải tiến và nâng cấp công nghệ sản phẩm hiện có:

- Đề xuất cải tiến công nghệ sản xuất, vật liệu mới để nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường, nâng cao khả năng cạnh tranh;
- Nghiên cứu thiết kế, hướng dẫn công nghệ, tổ chức sản xuất thử;
- Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm, hoàn tất hồ sơ (hướng dẫn sản xuất, quy định, tiêu chuẩn,...);
- Đề xuất sản xuất quy mô thương mại.

- Công tác tổ chức công bố, giới thiệu, quảng bá sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến
 - Phối hợp với các bộ phận liên quan trong việc tổ chức công bố, giới thiệu, quảng bá sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến;
 - Cung cấp thông tin, nội dung liên quan đến sản phẩm mới phục vụ cho công tác;
 - Nghiên cứu thiết kế bao bì sản phẩm mới;
 - Nghiên cứu thiết kế các ấn phẩm: catalogue, brochure giới thiệu sản phẩm mới;
 - Tổ chức quảng cáo, giới thiệu sản phẩm mới trên các phương tiện thông tin đại chúng;
 - Phối hợp tổ chức hội thảo công bố, giới thiệu sản phẩm mới đến khách hàng, đại lý; Theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến, ghi nhận ý kiến khách hàng và làm báo cáo, đề xuất với Tổng giám đốc.
- Công tác duy trì và áp dụng thường xuyên các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý
 - Duy trì và áp dụng thường xuyên các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý: ISO, TQM, BSC, 5S, LEAN, ...;
 - Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch chất lượng hàng năm;
 - Lập các báo cáo về hoạt động chất lượng theo quy định;
 - Thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu theo thủ tục kiểm soát hồ sơ, thủ tục kiểm soát tài liệu;
 - Biên soạn, cập nhật và tổ chức thực hiện các thủ tục, hướng dẫn liên quan đến công việc của Phòng theo hệ thống;
 - Cử chuyên gia đánh giá nội bộ của Phòng tham gia các đợt đánh giá nội bộ của Cơ quan và Công ty.

Phòng Dự án:

Chức năng và nhiệm vụ chính:

- Nghiên cứu, lập các dự án đầu tư
 - Nghiên cứu, đề xuất các dự án đầu tư phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty;
 - Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi của các dự án đầu tư;
 - Nghiên cứu, đề xuất các đối tác có tiềm lực tài chính, công nghệ để hợp tác thực hiện các dự án đầu tư của Công ty;
 - Lập, trình thẩm định và trình phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo đầu tư.
- Quản lý và điều hành các dự án đầu tư đã được phê duyệt

- Chuẩn bị các yếu tố về nhân sự, pháp lý, tài chính để triển khai thực hiện dự án;
 - Lập hồ sơ thiết kế, tổng dự toán để tổ chức thẩm định, trình phê duyệt theo quy định;
 - Lập, trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, chào giá, chỉ định thầu; tổ chức đấu thầu và trình phê duyệt kết quả đấu thầu theo quy định;
 - Tham gia đàm phán, thương lượng để ký kết hợp đồng với các nhà thầu theo ủy quyền của Tổng giám đốc;
 - Chỉ đạo, điều phối hoạt động của các bên tham gia thực hiện dự án theo ủy quyền của Tổng giám đốc;
 - Phối hợp với các phòng chức năng của Công ty hoặc đơn vị tư vấn (nếu có) theo dõi, kiểm tra tiến độ, chất lượng và chi phí thực hiện dự án để báo cáo Tổng giám đốc;
 - Đề xuất Tổng giám đốc biện pháp giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện dự án;
 - Tổ chức nghiệm thu, đề nghị thanh toán, quyết toán, thanh lý hợp đồng với các nhà thầu theo hợp đồng đã ký kết;
 - Lập kế hoạch và báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng tháng, quý, năm;
 - Lập báo cáo quyết toán sau khi dự án hoàn thành và tổ chức bàn giao, đưa vào khai thác, sử dụng;
 - Tổng kết và đánh giá hiệu quả của dự án nhằm rút kinh nghiệm và cải tiến cho các dự án sau;
 - Là đầu mối lưu trữ hồ sơ, tài liệu của các dự án đầu tư của Công ty (bao gồm các hồ sơ, tài liệu từ giai đoạn hình thành, thực hiện đến khi nghiệm thu, quyết toán dự án);
 - Lập các báo cáo cho Công ty, Tổng công ty, Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến dự án đầu tư;
 - Tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trong Công ty tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước, Tổng công ty, Công ty trong lĩnh vực đầu tư;
 - Theo dõi bảo hành công trình đầu tư;
 - Xây dựng quy trình quản lý dự án đầu tư.
- Thường trực của các Ban Quản lý dự án (hoặc các Ban đầu tư)
 - Giúp Ban Quản lý dự án thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công;
 - Là đầu mối tiếp nhận, cung cấp, lưu giữ thông tin của Ban Quản lý dự án;

- Thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban Quản lý dự án.
- Công tác sửa chữa, cải tạo công trình kiến trúc
 - Lập kế hoạch sửa chữa, cải tạo nhà xưởng, công trình kiến trúc hàng năm;
 - Kiểm tra hồ sơ thiết kế, dự toán và trình phê duyệt các dự án sửa chữa, cải tạo nhà xưởng, công trình kiến trúc ở các đơn vị trực thuộc và Cơ quan Công ty;
 - Theo dõi, kiểm tra, báo cáo việc thực hiện các dự án sửa chữa, cải tạo nhà xưởng, công trình kiến trúc tại các đơn vị trực thuộc;
 - Tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra, nghiệm thu, quyết toán, báo cáo việc thực hiện các dự án sửa chữa, cải tạo trụ sở, công trình kiến trúc tại Cơ quan Công ty.
- Công tác duy trì và áp dụng thường xuyên các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý
 - Duy trì và áp dụng thường xuyên các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ quản lý: ISO, TQM, BSC, 5S, LEAN, ...;
 - Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch chất lượng hàng năm;
 - Lập các báo cáo về hoạt động chất lượng theo quy định;
 - Thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu theo thủ tục kiểm soát hồ sơ, thủ tục kiểm soát tài liệu;
 - Biên soạn, cập nhật và tổ chức thực hiện các thủ tục, hướng dẫn liên quan đến công việc của Phòng theo hệ thống;
 - Cử chuyên gia đánh giá nội bộ của Phòng tham gia các đợt đánh giá nội bộ của Cơ quan và Công ty.

Các Chi nhánh:

- Trực tiếp quản lý điều hành Chi nhánh; Tổ chức hoạt động kinh doanh phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quản lý, sử dụng các loại tài sản: Thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải, vật tư, hàng hóa phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Chi nhánh theo quy định và phân cấp của Công ty;
- Công tác kế toán, báo cáo quyết toán theo định kỳ; Công tác kế hoạch bán hàng, tổng hợp báo cáo tình hình kinh doanh của Chi nhánh hàng tháng, quý, năm theo quy định;
- Công tác nghiên cứu, phát triển thị trường; Xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu theo phân cấp của Công ty; Giao dịch, đàm phán, ký kết Hợp đồng kinh tế với Khách hàng theo ủy quyền của Tổng Giám đốc;
- Xây dựng, phát triển và quản lý hệ thống đại lý theo phân cấp của Công ty;

- Quản lý và thu hồi công nợ khách hàng;
- Công tác an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy của Chi nhánh.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan (bản đính kèm); Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty

Bảng 1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần

Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ trọng (%)
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	52 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	18.721.824	65,01%
Tổng cộng		18.721.824	65,01%

Nguồn: Danh sách Cổ đông chốt ngày 09/09/2016

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 08/08/2007, thay đổi lần 4 ngày 26/06/2014.

Tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4.3 Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 2. Cơ cấu cổ đông

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số Cổ phần	Tỷ trọng (%)
1	Cổ đông trong nước	1.324	26.035.793	90,40%
	<i>Cá nhân</i>	<i>1.297</i>	<i>4.074.270</i>	<i>14,15%</i>
	<i>Tổ chức</i>	<i>27</i>	<i>21.961.523</i>	<i>76,26%</i>
2	Cổ đông nước ngoài	45	2.764.207	9,60%

<i>Cá nhân</i>	22	20.697	0,07%
<i>Tổ chức</i>	23	2.743.510	9,53%
TỔNG CỘNG	1.369	28.800.000	100,00%

Nguồn: Danh sách Cổ đông chốt ngày 09/09/2016

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1 Danh sách Công ty mẹ

Tên Công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn (%)
<p>Tổng CTCP Thiết bị Điện Việt Nam</p> <p>Trụ sở: 52 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam</p> <p>Tổng CTCP Thiết bị Điện Việt Nam là doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực chế tạo Thiết bị đo điện với các sản phẩm chủ lực mang thương hiệu EMIC như: Công tơ điện xoay chiều kiểu cảm ứng; Công tơ điện tử đa chức năng; Máy biến dòng, biến áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác.</p> <p>Nhận chuyển giao thiết kế, công nghệ và dây chuyền sản xuất từ các hãng danh tiếng trên thế giới như Hãng Landis+Gyr của Thụy Sĩ cho các sản phẩm Công tơ điện; Hãng Hunstman của Mỹ cho Máy biến dòng, biến áp đo lường, ...</p>	1.550.000.000.000	<p>Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;</p> <p>Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các loại thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha các cấp điện áp hạ thế, trung thế, và cao thế đến 220V;</p> <p>Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220V;</p> <p>Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;</p> <p>Kinh doanh Bất động sản, Khách sạn, Du lịch, ...</p> <p>Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, máy móc.</p>	65,01%

5.2 Danh sách các Công ty con

Tên Công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn (%)
<p>Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai</p> <p>Trụ sở: Đường số 1, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai</p> <p>Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai là Công ty con của CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3603058326, đăng ký lần đầu ngày 11/6/2013.</p> <p>Với tổng diện tích 4,5 ha, CADIVI Đồng Nai sở hữu lò nấu đúc đồng theo công nghệ UPGAST của Phần Lan với công suất tối đa khoảng 10.000 tấn / năm và nhiều thiết bị sản xuất dây cáp khác từ Thụy Sĩ, Bỉ, Đài Loan.</p>	100.000.000.000	<p>Sản xuất các sản phẩm từ kim loại (đồng, nhôm); Sản xuất dây cáp điện, cáp viễn thông; Sản xuất khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện; Bán buôn sản phẩm từ kim loại (đồng, nhôm); Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật); Cho thuê nhà xưởng, nhà kho (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)</p>	100%
<p>Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc</p> <p>Trụ sở: Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.</p> <p>Được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107408296, đăng ký lần đầu ngày 22/04/2016, thay đổi lần thứ 1 ngày 14/07/2016 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà</p>	5.000.000.000	<p>Sản xuất sản phẩm từ kim loại màu; Sản xuất dây cáp điện; Sản xuất khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện; Mua bán sản phẩm kim loại màu; Sản xuất thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại; Đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê; Mua bán dây cáp điện, khí cụ</p>	100%

Tên Công ty	Vốn điều lệ (đồng)	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn (%)
Nội cấp.		điện, vật liệu kỹ thuật điện, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	

5.3 Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết:

Không có

6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty;

Năm 2007, CADIVI chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 160 tỷ đồng. Cùng với sự phát triển của Công ty, vốn điều lệ lần lượt thay đổi như sau:

Đợt 1: Tháng 10/ 2009 (Tăng vốn từ 160 lên 192 tỷ đồng)			
-	Vốn điều lệ trước khi phát hành ("PH"):	160.000.000.000	đồng
-	Vốn điều lệ sau khi PH:	192.000.000.000	đồng
-	Mệnh giá:	10.000	đồng / cổ phiếu
-	Tổng số lượng cổ phiếu PH:	3.200.000	cổ phiếu
-	Số lượng cổ đông trước PH:	917	cổ đông
-	Số lượng cổ đông sau PH:	1.249	cổ đông
-	Cơ quan chấp thuận PH cổ phiếu của đợt 1:	UBCKNN	
<i>Trong đó</i>			
1. Phát hành cổ phần cho Cán bộ nhân viên			
-	Số lượng PH:	797.300	cổ phiếu
-	Tỷ lệ phân bổ quyền:	Danh sách CBCNV được phân bổ tại thời điểm 22/09/2008	
-	Giá PH:	10.000	đồng / cổ phiếu
-	Ngày chốt danh sách Cán bộ công nhân viên:	22/09/2008	
-	Ngày PH:	28/12/2008	– 05/01/2009

- Số lượng Cán bộ công nhân viên được phân phối:	663	người
2. Phát hành cổ phần ra công chúng (thông qua đấu giá)		
- Số lượng PH:	2.402.700	cổ phiếu
- Giá đấu bình quân:	20.004	đồng / cổ phiếu
- Ngày bắt đầu PH:	17/07/2009	
- Ngày kết thúc PH:	31/10/2009	
- Số lượng người được phân phối:	179	người
Đợt 2: Tháng 07/ 2012 (Tăng vốn từ 192 lên 249 tỷ đồng)		
- Vốn điều lệ trước khi phát hành ("PH"):	192.000.000.000	đồng
- Vốn điều lệ sau khi PH:	249.599.920.000	đồng
- Mệnh giá:	10.000	đồng / cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu PH:	5.759.992	cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước PH:	1.186	cổ đông
- Số lượng cổ đông sau PH:	1.186	cổ đông
- Cơ quan chấp thuận PH cổ phiếu của đợt 2:	UBCKNN	
<i>Trong đó:</i>		
Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu		
- Số lượng PH:	5.759.992	cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền:	30%	
- Ngày chốt danh sách cổ đông:	02/07/2012	
- Ngày PH:	06/07/2012	
- Số lượng cổ đông:	1.186	cổ đông
Đợt 3: Tháng 10/ 2013 (Tăng vốn từ 249 lên 288 tỷ đồng)		
- Vốn điều lệ trước khi phát hành ("PH"):	249.599.920.000	đồng
- Vốn điều lệ sau khi PH:	288.000.000.000	đồng
- Mệnh giá:	10.000	đồng / cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu PH:	3.840.008	cổ phiếu
- Số lượng cổ đông trước PH:	1.157	cổ đông
- Số lượng cổ đông sau PH:	1.171	cổ đông

- Cơ quan chấp thuận PH cổ phiếu của đợt 3:	UBCKNN	
Trong đó:		
1. Phát hành cổ phần cho các Cổ đông hiện hữu		
- Số lượng PH:	3.045.119	cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền:	10:1,22	
- Giá PH:	15.000	đồng / cổ phiếu
- Ngày chốt danh sách cổ đông:	12/09/2013	
- Ngày kết thúc PH:	18/10/2013	
- Số lượng cổ đông:	875	cổ đông
2. Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược (Đối tác chiến lược này cũng là Cổ đông hiện hữu)		
- Số lượng PH:	794.889	cổ phiếu
- Tỷ lệ phân bổ quyền:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2013 về việc phân phối cho đối tác chiến lược	
- Giá PH:	15.000	đồng / cổ phiếu
- Ngày kết thúc PH:	18/10/2013	
- Số lượng đối tác:	1	đối tác
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng:	01 năm (từ ngày 18/10/2013 đến ngày 18/10/2014)	

6.2. Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng VDL từ 249 tỷ đồng lên 288 tỷ đồng năm 2013

Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành tăng vốn điều lệ lên 288 tỷ đồng năm 2013 đã được thông qua:

Thời gian	Số tiền	Mục đích sử dụng
Quý III, IV năm 2013	57.600.120.000 đồng	Toàn bộ đã được sử dụng mua nguyên vật liệu (đồng, nhôm, nhựa...)

Ngày 21/10/2013, CADIVI đã báo cáo kết quả phát hành lên UBCK NN với tổng thu ròng từ đợt phát hành đạt 57.535.120.000 đồng. Công ty đã sử dụng vốn huy động được chi thanh toán mua nguyên vật liệu (đồng, nhôm, nhựa...) trong khoảng thời gian từ 08/10/2013 đến 31/10/2013, phù hợp với phương án sử dụng vốn chi tiết trình UBCK NN xét duyệt.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

7.1.1. Các sản phẩm chính của Công ty

❖ Các sản phẩm chính:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty hiện nay là chuyên sản xuất các loại dây và cáp điện phục vụ rộng rãi cho các ngành kinh tế quốc dân cũng như các nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt

thường ngày và cho xuất khẩu. Khách hàng chủ yếu của Công ty là các Công ty Điện lực; các nhà thầu xây lắp điện dân dụng, công nghiệp; các nhà sản xuất, các nhà đầu tư có sử dụng máy, thiết bị công nghiệp; các cộng đồng dân cư và các hộ gia đình. Trong những năm qua, sản phẩm dây và cáp điện mang nhãn hiệu CADIVI luôn được khách hàng đánh giá cao.

Một số loại sản phẩm CADIVI sản xuất và cung cấp:

- Các loại dây điện bao gồm các loại dây điện dân dụng, dây điện lực, dây điện ô tô, dây điện thoại trong nhà, dây nhôm lõi thép, dây nhôm trần xoắn, dây đồng trần xoắn.
- Các loại cáp điện bao gồm các loại cáp điện lực, cáp vặn xoắn, cáp trung thế ngầm và trung thế treo điện áp đến 40,5kV, cáp điện kế, duplex, multiplex, cáp đồng trục, cáp instrument, cáp chống cháy, cáp chậm cháy ít khói không có khí độc, cáp điều khiển, cáp chống thấm vv...
- Các loại dây điện từ dây vuông dẹp giáp giấy và không giáp giấy, khí cụ điện, hạt nhựa PVC v.v..

Một số hình ảnh về sản phẩm chính của Công ty:



Dây điện dân dụng:

- Dây điện bọc nhựa PVC dùng cho các thiết bị điện trong nhà.



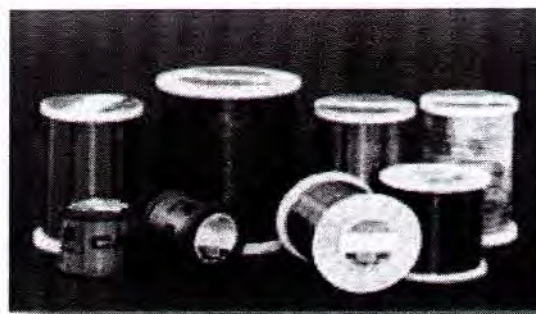
Dây điện lực:

- Dây điện lực hạ thế CV: Dây điện lực ruột đồng cách điện bằng nhựa PVC, dùng để truyền tải, phân phối điện, điều kiện lắp đặt cố định.
- Dây điện lực hạ thế AV: Dây điện lực ruột nhôm, cách điện bằng nhựa PVC, dùng để truyền tải, phân phối điện, điều kiện lắp đặt cố định.



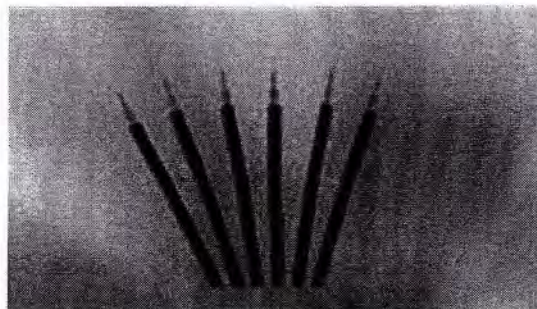
Dây điện lực:

- Dây điện lực hạ thế AX: Dây điện lực ruột nhôm, cách điện bằng nhựa XLPE, dùng để truyền tải, phân phối điện, điều kiện lắp đặt cố định.



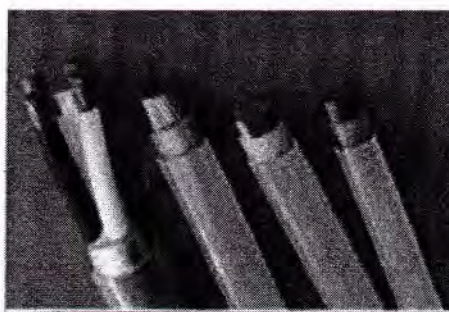
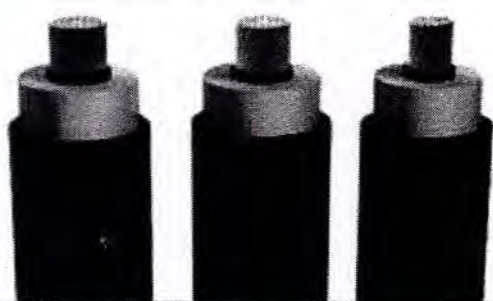
Dây điện từ:

- Dây tráng men ruột đồng tròn: Tùy theo yêu cầu của Khách hàng, CADIVI có khả năng sản xuất các loại dây tráng 1 hay 2 lớp men, trên máy tráng men nằm hoặc máy tráng men đứng.



Cáp điện lực:

- Cáp điện lực hạ thế 1 - 4 lõi: Cáp điện lực hạ thế 1 - 4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC (CVV - 0,6 / 1 kV).



Cáp trung thế:

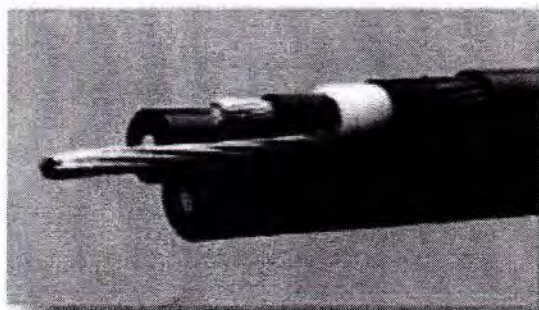
- Cáp trung thế treo có màn chắn ruột dẫn.

Cáp chống cháy:

- Dây & cáp chống cháy CV/FR; CXV/FR-0.6/1kV.
- Dây & cáp chống cháy, ít khói & không có khí độc CXE/LSFH 0.6/1 kV.

Cáp điều khiển:

- Cáp điều khiển 1 - 30 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC - DVV - 0,6/1 kV.



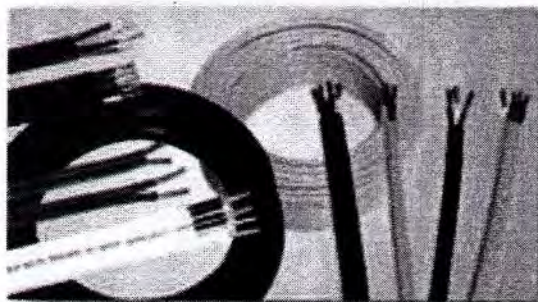
Cáp vặn xoắn:

- Cáp vặn xoắn hạ thế 2, 3, 4 lõi ruột nhôm, cách điện XLPE (LV - ABC): dùng để truyền tải, phân phối điện, cấp điện áp 0,6 / 1 kV, treo trên không.
- Cáp vặn xoắn trung thế (HV - ABC – 6,35 / 11(12) KV -12,7 / 22(24) kV): Cáp vặn xoắn trung thế ruột nhôm, cách điện bằng XLPE, dùng để truyền tải, phân phối điện, cấp điện áp 6,35 / 11(12) kV và 12,7 / 22(24) kV, treo trên không.



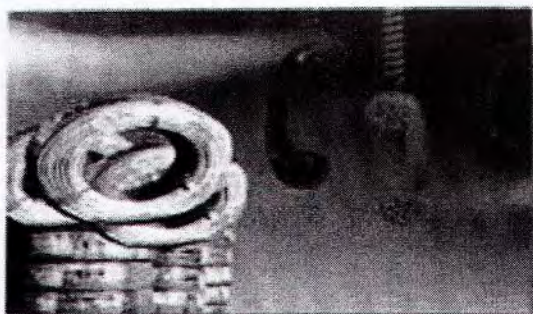
Khí cụ điện và phụ kiện

- Các loại cầu dao 2, 3 pha, cầu dao đảo chiều, TCVN 6480-1:1999;
- Ống luồn dây điện, ống luồn cứng, ống luồn đàn hồi;
- Phụ kiện ống luồn;



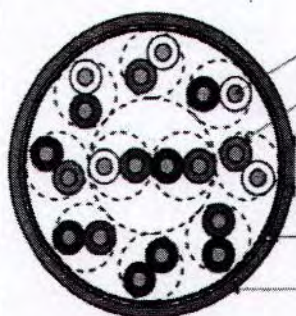
Cáp xuất khẩu

- Cáp Landscape, Power Cord, Pump, UF, ...
- Cáp vặn xoắn trung thế (HV ABC), hạ thế (LV ABC)
- Cáp trung thế TUC (Twist underground cable)
- Cáp điện lực trung thế, chống cháy các loại
- Dây nhôm trần, dây dân dụng, ...
(TCSX: UL 1581, UL 83, UL 62, IEC 60502, AS 3560)



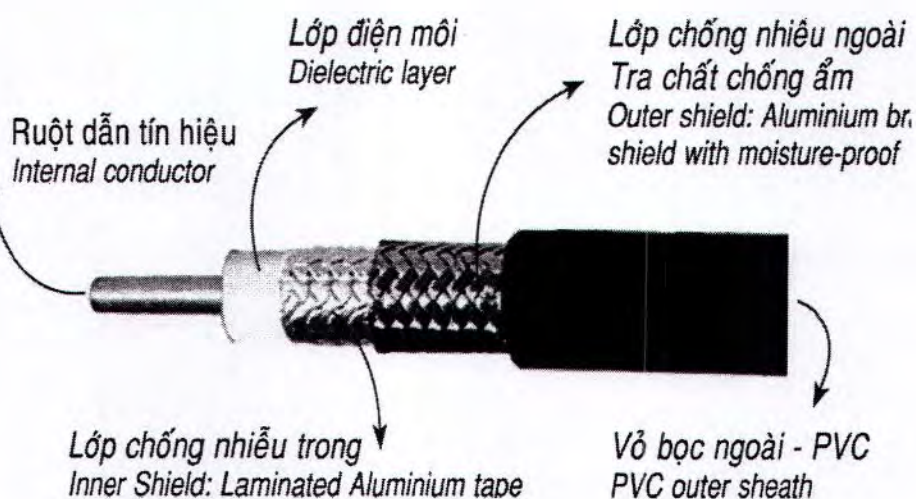
Cáp điện thoại trong nhà

- Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 8238:2009
- Dung lượng cáp: 1 ÷ 20 x 2 x 0,4; 0,5



1. Ruột dẫn bằng sợi đồng đơn / Solid copper conductor
2. Cách điện PE đặc hoặc foamskin / Insulation: Solid PE or foamskin
3. Băng Mylar (tùy chọn) / Cable core wrapped with polyester tape (option)
4. Băng quấn nhôm-Polyester chống nhiễu / Cable core wrapped with Al-foil shielding tape
5. Dây tách vỏ / Rip cord
6. Vỏ PVC / PVC sheath

Cáp Instrument



Cáp đồng trục 5C-FB-JF

Toàn bộ các sản phẩm của CADIVI được phân phối chủ yếu qua ba kênh: (i) Kênh đại lý (còn gọi là thị trường nền): chiếm khoảng 80% tổng doanh số bán hàng của Công ty (không bao gồm doanh thu thương mại); (ii) Kênh dự án, - chuyên cung cấp sản phẩm cho các dự án của ngành điện lực chiếm 15% và (iii) kênh xuất khẩu chiếm 5%.

7.1.2. Sản lượng sản phẩm qua các năm
7.1.2.1. Cơ cấu doanh thu thuần

Bảng 3. Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm của Công ty mẹ

ĐVT: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng đầu năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu hoạt động sản xuất và kinh doanh chính	4.299.707	99,92%	4.433.209	99,89%	3.226.700	99,93%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.457	0,08%	4.994	0,11%	2.099	0,07%
Tổng cộng		4.303.164	100%	4.438.204	100%	3.228.799	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, BCTC Quý 3 năm 2016 Công ty mẹ

Bảng 4. Doanh thu thuần từng nhóm sản phẩm Hợp nhất

ĐVT: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng đầu năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu hoạt động sản xuất và kinh doanh chính	5.391.108	99,94%	5.662.850	99,47%	4.193.076	99,90%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.457	0,06%	4.994	0,09%	4.085	0,10%
Tổng cộng		5.394.565	100%	5.667.844	100%	4.197.161	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, BCTC Quý 3 năm 2016 Hợp nhất

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (sản xuất các loại dây cáp điện) luôn chiếm tỷ trọng lớn với hơn 99% trong cơ cấu tổng doanh thu thuần của Công ty mẹ và Hợp nhất. Trước bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, sức cạnh tranh trong thị trường dây cáp điện ngày càng khốc liệt, CADIVI vẫn nỗ lực không ngừng nhằm duy trì kết quả hoạt động SXKD chính của Công ty tăng

trường đều đặn qua các năm. Cụ thể, doanh thu thuần từ hoạt động SXKD chính Công ty mẹ tăng 3,1% và Hợp nhất tăng 4,2% so với cùng kỳ. Trong 09 tháng đầu năm 2016, số liệu hợp nhất Công ty đã đạt được 4.193 tỷ đồng từ mảng SXKD chính này.

7.1.2.2. Cơ cấu Lợi nhuận

Bảng 5. Cơ cấu Lợi nhuận gộp từng nhóm sản phẩm của Công ty mẹ

DVT: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng đầu năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất và kinh doanh chính	343.325	99,00%	391.177	99,23%	337.909	99,82%
2	Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	3.457	1,00%	3.043	0,77%	623	0,18%
Tổng cộng		346.782	100,00%	394.220	100,00%	338.532	100,00%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, BCTC Quý 3 năm 2016 Công ty mẹ

Bảng 6. Cơ cấu Lợi nhuận gộp từng nhóm sản phẩm của Hợp nhất

DVT: Triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng đầu năm 2016	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất và kinh doanh chính	411.061	99,17%	487.029	99,38%	420.270	99,82%
2	Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	3.457	0,83%	3.043	0,62%	745	0,18%
Tổng cộng		414.518	100%	490.072	100%	421.015	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, BCTC Quý 3 năm 2016 Hợp nhất

Lợi nhuận gộp của Công ty mẹ và Hợp nhất trong năm 2015 tăng lần lượt là 13,9% và 17,01% so với kết quả đạt được năm 2014. Đóng góp vào sự tăng trưởng tích cực này là sự giảm sút giá nguyên vật

liệu đầu vào đặc biệt là giá đồng duy trì ở mức thấp. Tính đến hết 30/09/2016, tổng giá trị lợi nhuận gộp Công ty mẹ và Hợp nhất đạt lần lượt 338,5 tỷ đồng và hơn 421 tỷ đồng.

7.1.2.3. Chi phí hoạt động của Công ty qua các năm

Bảng 7. Chi phí hoạt động Công ty qua các năm Công ty mẹ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	3.956.383	92,92%	4.043.984	92,78%	2.890.266	92,94%
Chi phí tài chính	55.468	1,30%	48.548	1,11%	32.630	1,05%
Chi phí lãi vay	32.490	0,76%	23.266	0,53%	16.686	0,54%
Chi phí bán hàng	69.655	1,64%	64.194	1,47%	54.647	1,76%
Chi phí quản lý DN	117.447	2,76%	147.240	3,38%	73.843	2,37%
Chi phí khác	110	0,00%	97	0,00%	6.940	0,22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.432	0,62%	31.339	0,72%	34.800	1,12%
Tổng cộng	4.257.984	100%	4.358.668	100%	3.109.812	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 Công ty mẹ, BCTC Quý 3 2016 Công ty mẹ

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao trong Tổng chi phí hoạt động của Công ty và luôn ổn định ở mức hơn 92%. Trong khi đó chi phí lãi vay do giảm lãi suất. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không ổn định nhưng nhìn chung hai chi phí này chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu chi phí nên mức độ ảnh hưởng đối với kết quả lợi nhuận là không lớn.

Bảng 8. Chi phí hoạt động Công ty qua các năm Hợp nhất

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	4.980.048	93,79%	5.177.773	93,65%	3.776.147	93,76%
Chi phí tài chính	56.762	1,07%	51.171	0,93%	35.157	0,87%
Chi phí lãi vay	32.490	0,61%	23.268	0,42%	16.686	0,41%
Chi phí bán hàng	76.346	1,44%	70.579	1,28%	62.995	1,56%
Chi phí quản lý	125.852	2,37%	157.418	2,85%	83.430	2,07%

DN						
Chi phí khác	110	0,00%	97	0,00%	4.888	0,12%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.911	0,71%	48.827	0,88%	48.044	1,19%
Tổng cộng	5.309.518	100%	5.529.132	100%	4.027.347	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, BCTC Quý 3 2016 hợp nhất

Tương tự như tình hình tại Công ty mẹ, cơ cấu chi phí hợp nhất của doanh nghiệp có tình trạng tương tự, Giá vốn hàng bán ổn định và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chi phí, chi phí tài chính và chi phí lãi vay giảm dần tỷ trọng, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng tương đối thấp và xu hướng tăng giảm không ổn định.

7.2. Báo cáo tình hình đầu tư

Trong các năm qua, Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam không đầu tư ngắn hạn. Đối với hoạt động đầu tư dài hạn, trong năm 2014, 2015 và 3 Quý đầu năm 2016, Công ty không phát sinh thêm khoản đầu tư mới nào. Chi tiết các khoản mục đầu tư dài hạn của Công ty như sau:

Bảng 9. Tình hình đầu tư

ĐVT: Ngàn đồng

Số lượng cổ phần	31/12/2014		31/12/2015		30/09/2016	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
1. Đầu tư góp vốn vào Công ty con						
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	0	0	0	0	5.000.000	5.000.000
2. Đầu tư cổ phiếu						
CTCP Dây Cáp Điện Việt Thái	480.000	4.995.833	4.995.833	4.995.833	4.995.833	4.995.833
NHTM CP Ngoại thương (*)	37.438	2.178.670	1.194.272	2.178.670	1.643.528	1.770.817
CTCP Công nghệ cao	77.500	1.057.011	1.057.011	1.057.011	1.057.011	1.057.011
CTCP Xuất nhập khẩu dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	26.000	260.000	260.000	260.000	260.000	260.000
CTCP Điện cơ	10.000	124.193	124.193	124.193	124.193	124.193

CTCP Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	100.000	1.020.000	1.020.000	1.020.000	1.020.000	1.020.000	1.020.000
3. Đầu tư dài hạn khác							
Trường cao đẳng Công nghệ Hà Nội		500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000
Cộng		110.135.707	109.151.309	110.135.707	109.600.565	115.135.707	114.727.854

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, BCTC Quý 3 năm 2016 Công ty mẹ

7.3. Hoạt động Marketing

Hoạt động Marketing của Công ty tập trung vào nghiên cứu nhu cầu thị trường và khách hàng, đưa ra phân tích, nhận định hỗ trợ cho định hướng phát triển sản phẩm của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động Marketing nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu CADIVI. Chiến lược Marketing cụ thể như sau:

✓ Công tác thị trường nội địa:

Trong thời gian qua, với nền tảng phát triển là định hướng phát triển thị trường nền, CADIVI đã và đang dần khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp sản xuất dây cáp điện hàng đầu Việt Nam. Ngoài thị trường trọng điểm là miền Nam, Công ty vẫn đẩy mạnh triển khai các chính sách để xâm lấn, mở rộng thị trường miền Trung, miền Bắc và Tây Nguyên.

✓ Đối với thị trường xuất khẩu:

CADIVI quán triệt chủ trương “giữ vững sân nhà để vươn ra sân người”, từng bước chiếm lĩnh thị trường trong nước để tạo đà vươn ra thị trường quốc tế. Hiện tại, CADIVI đang đẩy mạnh hoạt động bán hàng sang thị trường Mỹ, Campuchia, Myanmar, xúc tiến tiếp cận thị trường Úc và Nhật Bản.

✓ Công tác bán hàng:

CADIVI thường xuyên cập nhật chính sách bán hàng theo định hướng “thỏa mãn tối đa yêu cầu khách hàng”, ưu tiên phát triển khu vực miền Trung, Bắc, vùng sâu, vùng xa đẩy mạnh lực lượng giám sát bán hàng ở những khu vực bán hàng trọng điểm.

✓ Hoạt động tiếp thị, xúc tiến thương mại:

Áp dụng hệ thống nhận diện thương hiệu một cách đồng bộ và nhất quán trên các phương tiện truyền thông để tăng cường sự nhận biết cho khách hàng.

Tăng cường hỗ trợ các đại lý / đối tác trong và ngoài nước trong việc quảng bá thương hiệu và sản phẩm CADIVI.

Tăng cường tham gia các hoạt động công tác an sinh xã hội, từ thiện, cộng đồng.

Công ty luôn tích cực tham gia các hội chợ lớn trong nước như: Hội chợ Hàng Việt Nam Chất lượng cao trong nhiều năm liền, triển lãm quốc tế về công nghiệp hỗ trợ VN, triển lãm quốc tế về công nghệ và thiết bị điện VN.. đồng thời tích cực tham gia các triển lãm khu vực và quốc tế như: Hội chợ Hàng Việt Nam tại Myanmar, Hội chợ thương mại Việt – Lào, Asean Energy Business Forum 2016 ở Myanmar, hội chợ quốc tế hàng công nghiệp Cuba 2016, triển lãm SUBCON 2016 tại Thái Lan... nhằm quảng bá thương hiệu sản phẩm và đưa sản phẩm tiếp cận sâu hơn với người tiêu dùng.

✓ **Hệ thống phân phối:**

Công ty đã xây dựng được một hệ thống phân phối với gần 200 đại lý trải rộng khắp trên toàn quốc. Hệ thống phân phối này đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng trên khắp lãnh thổ Việt Nam.

7.4. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- **Nhãn hiệu thương mại** : CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM
- **Thời gian đăng ký** : Thương hiệu CADIVI đã được đăng ký bản quyền tại Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam theo Quyết định số 84900 ngày 24/7/2007.
- **Logo Công ty** :

CADIVI

- **Ý nghĩa Thương hiệu** : Logo có dáng chữ dày, đậm, vững vàng trong sắc màu đỏ tươi, các đường nét đồ họa hiện đại, đưa đường cong tạo dáng công nghiệp vào các góc chữ, để giúp thể hiện tốt nhất cảm giác tiên phong, tin cậy, chung thủy – những nét tính cách tiêu biểu của Thương hiệu Cadivi.

- Thời gian đăng ký : Logo của Công ty đã được đăng ký bản quyền tại Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam ngày 13/10/2015.
- Thời gian bảo hộ : 10 năm

7.5. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

7.5.1 Các hợp đồng lớn đang thực hiện với Khách hàng

Bảng 10. Các hợp đồng lớn ký kết với Khách hàng

TT	Tên khách hàng	Ngày ký	Số hợp đồng	Sản phẩm	Giá trị hợp đồng (tr.đồng)	Tình trạng hợp đồng
1	TCT ĐL Miền Trung	08/08/2016	1608S031-041/EVNCPC-CADIVI	Dây nhôm lõi thép trần	18.560	Đã giao hàng xong, đang chuẩn bị hồ sơ thanh toán
2	Ban QLDA các Công trình điện Miền Trung	28/06/2016	18/QN-QN-G06	Dây nhôm lõi thép trần	27.215	Đã giao hàng đợt 1
3	TCT ĐL Miền Bắc	22/06/2016	NPC/DEP-110PT TU-G03/NPC-CADIVI	Phụ kiện	5.557	Đã giao hàng xong, đang chuẩn bị hồ sơ thanh toán
4	TCT ĐL TP.HCM	30/06/2016	2518/2016/HĐ-EVNHCMCMC-CADIVI-THIPHA	Cáp ngầm trung thế 3x240	31.039	Đã hoàn thành Đợt 1
5	TCT ĐL TP.HCM	18/07/2016	2840/2016/HĐ-EVNHCMC-CADIVI	Cáp nhôm trung thế	9.626	Đã hoàn thành Đợt 1

6	Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam	21/07/2016	11-2016/SPMB-LD THIPHA&CADIVI/LÔ 1.1/ĐZ 500KV NĐ LONG PHÚ - Ô MÔN	Cáp nhôm lõi thép ACSR	31.024	Đang sản xuất
7	Ban QLDA các Công trình điện Miền Nam	29/07/2016	16-2016/SPMB- CADIVI/220KV LA- CL2/220kV Phu Lam - Cai Lay 2 T/L	Cáp nhôm lõi thép ACSR, Phụ kiện, PHLOX	55.317	Đang sản xuất
8	Tổng Cty ĐL Miền Nam	25/02/2016	02-16/SPC- CADIVI/LV-ABC- G.54	Cáp LV- ABC	9.823	Đang giao hàng & thanh toán đợt 3
9	Điện Lực Đồng Nai	14/07/2016	112/PCĐN-KH&VT	Cáp điện	3.187	Đang thực hiện

Nguồn: Công ty

7.5.2 Các hợp đồng lớn đang thực hiện với Nhà cung cấp

Bảng 11. Các hợp đồng lớn ký kết với Nhà cung cấp

TT	TÊN NHÀ CUNG CẤP	NGÀY KÝ	SỐ HỢP ĐỒNG	SẢN PHẨM	TÌNH TRẠNG HỢP ĐỒNG
1	Công Ty TNHH Mtv Sx Tm Xnk Nhựa Thành Công	20/01/2016	02-16/HĐNT-TC	Nhựa Pvc Các Loại (theo từng đơn hàng)	Cho cả năm 2016
2	Công Ty Cổ Phần Ngô Han	15/12/2015	NH-CDV- HCM/01/15.12.15 (PLHĐ SỐ NH-CDV- HCM/02/16.06.2016)	ĐỒNG Ø8 mm	Cho cả năm 2016
3	Tổng Công Ty Cp Thiết Bị Điện Việt Nam	01/02/2016	660/HĐKT-SX	ĐỒNG Ø8mm, Ø11mm, Ø2,6mm	Cho cả năm 2016
4	Công Ty TNHH Thương Mại Đức Biên	08/12/2015	129/HĐKT	Đồng cathodes	Cho cả năm 2016
5	Công Ty Cổ Phần Kim Loại Màu Và	15/12/2015	495/2015/HĐNT/ĐV- CDV	Đồng Ø8mm, đồng	Cho cả năm 2016

	Nhựa Đồng Việt			nhiều đường các loại Nhôm Ø9,5mm	
6	Công Ty TNHH Hóa Chất Lg Vina	28/12/2015		DẦU DOP	Cho cả năm 2016
7	Công Ty TNHH Nhựa Và Hóa Chất TPC Vina	30/12/2015	004/HDNT-TPC2016	BỘT PVC	Cho cả năm 2016
8	Doanh nghiệp tư nhân Thái An	01/01/2016	01/2016 HĐ	MUA TURE GỖ	Cho cả năm 2016
9	Công Ty Dây Đồng Việt Nam Cft	04/12/2015	01/16/HĐNT/SM/CFT	Đồng Ø8mm, đồng Ø2,6mm	Cho cả năm 2016
10	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Rô Bột	22/12/2015	4812/2015/HĐNT/RB- CDV	Đồng Ø8mm	Cho cả năm 2016
11	Ls Nikko Copper Inc	15/12/2015	LSNC-CADIVI OS/LT 2016-001	Đồng Cathode	Cho cả năm 2016
12	Glencore International Ag	30/11/2015	103-16-10319-S	Đồng Cathode	Cho cả năm 2016
13	Daewoo Internation	09/02/2015	HIM-CADIVI-2015	Nhôm Thỏi	Cho cả năm 2016

Nguồn: Công ty

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 12. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	% tăng giảm	9 tháng đầu năm 2016
1	Tổng giá trị tài sản	1.614.822	1.864.150	15,44%	2.020.987
2	Vốn chủ sở hữu	531.404	603.591	13,58%	692.017
3	Doanh thu thuần	4.303.164	4.438.204	3,14%	3.228.799
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	121.294	199.771	64,70%	234.616
5	Lợi nhuận khác	3.908	1.750	-55,23%	- 2.296
6	Lợi nhuận trước thuế	125.202	201.521	60,96%	232.320
7	Lợi nhuận sau thuế	99.887	170.074	70,27%	196.935
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	86%	51%	-41%	-
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu	18,80%	28,18%	49,90%	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC Quý 3 2016 Công ty mẹ

Bảng 13. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2014	2015	% tăng giảm	9 tháng đầu năm 2016
1	Tổng giá trị tài sản	1.685.936	2.041.033	21,06%	2.138.893
2	Vốn chủ sở hữu	571.972	639.788	11,86%	718.504
3	Doanh thu thuần	5.394.565	5.667.844	5,07%	4.197.161
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	162.018	217.275	34,11%	243.236

5	Lợi nhuận khác	4.578	2.123	-53,63%	8
6	Lợi nhuận trước thuế	166.596	219.399	31,69%	243.244
7	Lợi nhuận sau thuế	129.818	170.576	31,40%	194.802
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	67%	51%	-24%	-
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu	22,70%	26,66%	17,47%	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, BCTC Quý 3 2016 hợp nhất

Tổng giá trị tài sản hợp nhất của Công ty tăng dần qua các năm, cụ thể năm 2015 đạt 2.041 tỷ đồng, tăng gần 21,06% so với năm 2014. Mặt khác, trong năm 2015, hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều đột biến lợi nhuận sau thuế tăng hợp nhất của Công ty tăng tới 31,40% và là một trong những nhân tố chính làm tăng vốn chủ sở hữu của Công ty lên 639,8 tỷ đồng, tăng 11,86% so với năm 2014. Doanh thu thuần hợp nhất của Công ty đạt 5.668 tỷ đồng trong năm 2015, và tăng 5.07% so với năm 2014; cùng lúc đó lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2015 đạt 170.6 tỷ đồng, tăng 31,4%% so với năm 2014.

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi

- Giá nguyên vật liệu đang có xu hướng duy trì ở mức thấp.
- Thương hiệu, uy tín của CADIVI ngày càng được nâng cao;
- Thị phần của Công ty luôn được duy trì với mạng lưới rộng khắp cả nước, vị thế của Công ty ngày càng được khẳng định;
- Mối quan hệ của CADIVI với đối tác truyền thống luôn tích cực;
- Phong trào thi đua thực hành tiết kiệm, công tác chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên, công tác chia sẻ với cộng đồng đều tích cực, năm qua công tác tiết kiệm đạt thành tích cao;
- Ban lãnh đạo Công ty là những người giàu kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn vững chắc, cũng như tinh thần trách nhiệm cao, cùng với các Cán bộ công nhân viên lành nghề, có phẩm chất tốt là một điểm mạnh giúp CADIVI gặt hái được nhiều thành công trong thời gian qua.

❖ Khó khăn

- Mức độ cạnh tranh trong lĩnh vực dây cáp điện ngày càng trở nên khốc liệt;
- Tình trạng hàng giả, hàng nhái thương hiệu của CADIVI cũng đã xuất hiện gây nhiều khó khăn trong việc giữ vững thị trường, thị phần;
- Tình hình kinh tế trong nước tăng trưởng chậm, thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu khởi sắc, tình hình giải ngân các công trình trọng điểm chậm, dẫn đến nhu cầu về mặt hàng dây cáp điện giảm, gây khó khăn cho công tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**9.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

Được thành lập từ những ngày đầu của năm 1975, trải qua nhiều giai đoạn phát triển với rất nhiều thách thức và nỗ lực, CADIVI đã vươn lên trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất các loại dây và cáp điện cũng như liên tục mở rộng sự phát triển của thương hiệu đến các thị trường mới trên thế giới.

Công ty sở hữu thế mạnh vượt trội với hơn 41 năm kinh nghiệm từ đội ngũ quản lý và đội ngũ công nhân viên lành nghề với dây chuyền sản xuất hiện đại nhập từ Châu Âu, Mỹ đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Sản phẩm CADIVI đã trở thành sản phẩm chủ lực trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và ngày càng nhận được sự tin tưởng và tình cảm người tiêu dùng trong và ngoài nước.

Định hướng phát triển thương hiệu cũng đã được CADIVI xác định và phát triển một cách rõ ràng ngay từ giai đoạn đầu thành lập. Đó là "Giữ vững sân nhà để vươn ra sân người", chiếm lĩnh trở thành doanh nghiệp hàng đầu ở thị trường trong nước để tạo đà vươn ra thị trường quốc tế. Nhằm cụ thể hóa mục tiêu đó, CADIVI đã tích cực đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, tăng năng lực cạnh tranh trên khắp mọi miền đất nước. Đến nay, năng lực sản xuất hàng năm của Công ty lên đến hơn 24.000 tấn đồng, hơn 6.000 tấn nhôm, và hơn 8.000 tấn nhựa các loại.

Sản phẩm của CADIVI đa dạng từ sản phẩm dân dụng truyền tải điện cũng như các sản phẩm dùng trong công nghiệp, quốc phòng, sản phẩm để xuất khẩu hay các loại dây điện từ, khí cụ điện. Ngoài ra, CADIVI còn phát triển các sản phẩm đòi hỏi yêu cầu cao về chất lượng phục vụ cho các công trình khai thác dầu khí, thủy điện, ngầm hóa mạng điện đô thị, mạng điện trên không. Trong đó, nổi bật nhất có thể kể đến đó là công trình Đường dây 500kV. CADIVI thật sự tự hào khi là nhà cung cấp chính cho công trình hiện đại hóa đất nước mang tính lịch sử này.

Các sản phẩm của CADIVI luôn đi kèm với chất lượng toàn diện với cam kết "Chất lượng luôn trung thực tuyệt đối với người tiêu dùng đi đôi với giá cả hợp lý". Sản phẩm dây cáp điện của CADIVI đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) cũng như các tiêu chuẩn quốc tế như IEC, ASTM, UL, JIS, AS, BS, DIN... Đó là sự hội tụ của ba yếu tố cơ bản:

- Dẫn điện tốt;
- Cách điện an toàn;
- Tiết kiệm điện.

Nhờ vào chất lượng tốt kết hợp quy mô sản xuất lớn cộng với giá bán hợp lý, các sản phẩm của CADIVI ngày càng được thị trường cả trong và ngoài nước ưa chuộng, được khách hàng bình chọn là Hàng Việt Nam chất lượng cao trong 19 năm liên tục từ 1997 đến nay; đoạt Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt, Thương hiệu nổi tiếng Quốc gia và hàng loạt giải thưởng khác. Đặc biệt, tháng 7 năm 2009, CADIVI đã vinh dự được nhận Giải nhất Chất lượng châu Á - Thái Bình Dương (IAPQA) ở cấp độ World Class dành cho doanh nghiệp sản xuất lớn. Đây là lần đầu tiên Việt Nam có một doanh nghiệp đạt giải nhất tại giải thưởng này. Điều đó cho thấy CADIVI đã nâng lên một tầm cao mới khẳng định thương hiệu Việt không chỉ tại thị trường nội địa mà còn vươn xa hơn, cạnh tranh được với thị trường thế giới. CADIVI không chỉ được lựa chọn bởi các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thay cho các sản phẩm ngoại nhập mà còn xuất khẩu vào các thị trường Mỹ, Campuchia, Lào, Myanmar, ... Mục tiêu đến năm 2020, CADIVI sẽ từng bước trở thành một trong các nhà sản xuất dây cáp điện hàng đầu Đông Nam Á.

So sánh quy mô tài chính và tỷ lệ sinh lời của CADIVI với các Doanh nghiệp sản xuất dây cáp điện khác đang niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam:

Bảng 14. CAV so với các doanh nghiệp cùng ngành

STT	Chỉ tiêu	CAV	VTH	TYA	VKC	SAM
I	Hiệu quả hoạt động và Tài sản, Nguồn vốn tính đến 30/6/2016 (ĐVT: Triệu đồng)					
1	Doanh thu thuần	2.716.053	88.787	624.291	576.526	992.822
2	Lợi nhuận từ HĐKD	152.548	3.314	45.083	31.007	62.218
3	Lợi nhuận sau thuế	121.858	2.817	36.952	23.868	53.282
4	Tổng Tài sản	2.012.792	99.500	758.915	639.008	3.430.370
5	Vốn chủ sở hữu	645.904	80.589	422.306	169.942	2.500.822
6	Vốn điều lệ	288.000	50.000	279.014	130.000	1.802.353

II	Một số chỉ tiêu tài chính tính đến 30/6/2016 (ĐVT: %)					
1	LNST/DTT	4,49%	3,17%	5,92%	4,14%	5,37%
2	LNST/VCSH bình quân	20,42%	3,46%	9,59%	14,66%	2,17%
3	LNST/Tổng Tài sản bình quân	6,35%	2,49%	4,82%	4,02%	1,58%
4	Lợi nhuận từ HĐKD/DTT	5,62%	3,73%	7,22%	5,38%	6,27%
5	EPS (đồng)	5.954	1.833	2.713	2.363	528

Nguồn: FPTIS tổng hợp từ BCTC SX bán niên 2016 của các doanh nghiệp

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng điện 9 tháng đầu năm 2016

Nhìn chung trong 9 tháng đầu năm 2016, hầu hết các dự án nguồn và lưới điện trọng điểm cơ bản của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đều bám sát tiến độ.

Về nguồn điện, trên cả nước Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã hòa lưới phát điện 3 tổ máy với tổng công suất 1.282 MW, gồm: tổ máy 2 Thủy điện Lai Châu (400MW); tổ máy 2 Thủy điện Huội Quảng (260MW); tổ máy 1 Nhiệt điện Duyên Hải 3 (622MW); Đã khởi công dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng (600MW)

Về lưới điện, trong 9 tháng đầu năm 2016 đã hoàn thành đóng điện 182 công trình lưới điện 110 - 500kV (gồm: 7 công trình 500kV, 29 công trình 220kV và 146 công trình 110kV) và khởi công 150 công trình lưới điện 110 - 500kV (gồm: 3 công trình 500kV, 14 công trình 220kV và 133 công trình 110kV). Hoàn thành cấp điện bằng lưới điện quốc gia cho xã đảo Cái Chiên - tỉnh Quảng Ninh (xã đảo cuối cùng của tỉnh đã có điện lưới) và Dự án Cấp điện bằng cáp ngầm cho xã đảo Tân Hiệp (đảo Cù Lao Chàm) - tỉnh Quảng Nam. Đã khởi công 3/5 dự án thuộc Chương trình Cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020 được cấp vốn ngân sách năm 2016, đó là các Dự án Cấp điện nông thôn tại các tỉnh Cà Mau, Hậu Giang, Kiên Giang. Còn 2 Dự án Cấp điện nông thôn tại các tỉnh Khánh Hòa và Lạng Sơn dự kiến khởi công trong tháng 10/2016.

Ngoài ra, Tập đoàn Điện lực Việt Nam còn tiếp tục triển khai các dự án đầu tư cải tạo lưới điện phân phối vay vốn kfW, ADB, WB và các dự án cấp điện nông thôn cho các hộ dân chưa có điện sử dụng vốn ngân sách tại các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Bắc Kạn và Nghệ An. Thực hiện đầu tư lưới điện cấp điện cho hơn 1.500 hộ dân chưa có điện tại 3 huyện Tân Uyên, Than Uyên và Phong Thổ - tỉnh Lai Châu thuộc Chương trình 30a.

Về mặt thu xếp vốn và giải ngân: Giá trị đầu tư xây dựng toàn Tập đoàn trong 9 tháng qua ước đạt 98.052 tỷ đồng (bằng 73,98% kế hoạch), giá trị giải ngân đạt 77.216 tỷ đồng, (bằng 58,26% kế hoạch).

Triển vọng phát triển tới 2020, có xét tới 2030

Theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn từ năm 2011 – năm 2020 có xét đến năm 2030 đã được điều chỉnh bởi Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/3/2016, hàng năm nhu cầu điện ở Việt Nam tăng bình quân ở mức 7% (giai đoạn từ năm 2016 – năm 2030), tương đương với mức tăng trưởng GDP bình quân.

Theo chiến lược phát triển Điện lực Quốc gia đã được Chính phủ phê duyệt, Ngành điện phải cung ứng đủ điện năng để phát triển KT-XH của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh Công nghiệp hóa, hiện đại hóa với mục tiêu tự chủ, đảm bảo an ninh năng lượng, giữ gìn vệ sinh môi trường. Theo đó, quy mô điện lực được phát triển theo hướng đa dạng hóa các nguồn năng lượng, chú trọng phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo như Thủy điện, Điện mặt trời, Điện gió... Đồng thời, Nhà nước sẽ từng bước hình thành và phát triển thị trường điện lực cạnh tranh, đa dạng hóa hình thức đầu tư và kinh doanh điện.

Sự tăng trưởng trong nhu cầu sản xuất và truyền dẫn điện năng trong công cuộc hiện đại hóa đất nước sẽ là nền tảng vững chắc, tạo tiền đề cho sự phát triển hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới***Định hướng phát triển của Công ty***

Chiến lược phát triển giai đoạn 2012 – 2017, tầm nhìn đến năm 2020 của CADIVI là trở thành nhà sản xuất dây cáp điện hàng đầu khu vực Đông Nam Á. Để đạt được mục tiêu trên, Công ty cần phải hoạch định chiến lược cụ thể rõ ràng, điển hình như:

❖ Đối với công tác thị trường, xây dựng thương hiệu và bán hàng:

- Quán triệt mục tiêu "Giữ vững, xâm lấn, mở rộng thị trường" trên cơ sở "Giữ vững thị trường nền". Đẩy mạnh vào các dự án ngành điện, xây dựng, xây lắp công nghiệp, quốc phòng, dầu khí, có chính sách mở rộng ra thị trường miền Trung, miền Bắc và Tây Nguyên;
- Tăng cường xuất khẩu qua Myanmar, Campuchia, xuất khẩu tại chỗ duy trì xuất khẩu qua Mỹ có chọn lọc theo nhóm sản phẩm;
- Cân đối hài hòa giữa lợi nhuận và thị phần, duy trì tăng trưởng vững chắc cả về lợi nhuận và thị phần.

❖ Đối với công tác tổ chức quản lý sản xuất:

- Kế hoạch triển khai đồng bộ giữa nhu cầu khách hàng - nguồn cung ứng vật tư điều độ sản xuất nhằm đảm bảo tiến độ giao hàng;
- Giảm thiểu chi phí sản xuất bằng cách:
 - ✓ Chuyên môn hóa sản xuất theo chủng loại sản phẩm một cách khoa học.
 - ✓ Tìm kiếm lựa chọn các nhà cung cấp vật tư có chất lượng ổn định, giá cả hợp lý.

❖ Đối với công tác Kỹ thuật, Công nghệ, chất lượng sản phẩm:

- ✓ Từng bước đầu tư, bổ sung máy móc thiết bị cũng như đầu tư các dự án khác nhằm tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật sản xuất, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm...để tăng năng lực công ty;
- ✓ Giảm tiêu hao vật tư bằng cách ban hành định mức công nghệ mới phù hợp với trình độ kỹ thuật của thiết bị hiện có cũng như áp dụng quy chế thưởng phạt tiết kiệm vật tư, năng lượng;
- ✓ Cải tiến các sản phẩm hiện hữu và nghiên cứu, triển khai các sản phẩm mới có chất lượng tốt hơn với giá thành hợp lý hơn;
- ✓ Hệ thống quản lý chất lượng được duy trì và thường xuyên cải tiến, kiểm soát chặt chẽ các quy trình sản xuất, đảm bảo hàng xuất xưởng thỏa mãn các yêu cầu của tiêu chuẩn.

❖ Đối với công tác nhân sự hành chính, xây dựng đội ngũ, chăm lo đời sống CBCNV:

- ✓ Thực hiện công tác đào tạo nhân viên nghiệp vụ, đào tạo và tổ chức thi tay nghề cho công nhân kỹ thuật;
- ✓ Xây dựng văn hoá doanh nghiệp tạo bản sắc riêng của công ty CADIVI trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Thông suốt mục tiêu của công ty từ cấp quản lý cao nhất đến từng CBCNV;
- ✓ Chăm lo, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, tham gia thực hiện công tác xã hội cộng đồng.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Có thể nói chiến lược và định hướng phát triển của CADIVI là hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành và chính sách của Nhà nước. Đối với công tác thị trường, nhằm phục vụ cho mục tiêu đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Công ty đã ra sức xây dựng và phát triển, hỗ trợ cho các dự án ngành điện, xây dựng, xây lắp công nghiệp, quốc phòng, dầu khí trên khắp mọi miền đất nước. Công ty cũng tăng tính cạnh tranh bằng việc cải thiện cách thức quản lý và vận hành hiệu quả, linh hoạt hơn, tiết kiệm hơn. Không những thế, nhằm đón đầu nhu cầu lớn về làn sóng phát triển các nguồn điện và lưới điện ở các nước đang phát triển như Lào, Campuchia hay Myanmar, Công ty đã tăng cường xuất khẩu qua các nước này bằng việc mở rộng năng lực sản xuất, tăng quy mô sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế, từng bước khẳng định vị thế và tên tuổi của mình để trở thành một trong những nhà sản xuất dây cáp điện lớn nhất khu vực.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong công ty:

Lao động thực tế sử dụng bình quân hiện nay: 1.055 người

Trong đó:

Trình độ lao động trên Đại học	:	11 người
Trình độ lao động Đại học	:	228 người
Trình độ lao động Cao đẳng	:	70 người
Trình độ lao động Trung cấp, Sơ cấp	:	746 người

10.2. Các chính sách đối với người lao động:

▪ Chính sách đào tạo:

Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, hằng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch đào tạo cho CBCNV và triển khai thực hiện một cách nghiêm túc.

Hoạt động đào tạo của Công ty gồm có:

- ✓ Đào tạo nhân viên mới với mục đích để nhân viên mới nhanh chóng hòa nhập với công việc và môi trường làm việc của Công ty. Giới thiệu về Công ty và sản phẩm của Công ty, thỏa ước lao động, nội quy lao động, an toàn lao động, chức năng nhiệm vụ theo mô tả công việc từng người, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001.
- ✓ Huấn luyện về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, sơ cứu, cấp cứu...
- ✓ Đào tạo, huấn luyện kỹ năng quản trị thiết yếu cho cán bộ quản lý cấp trung.
- ✓ Đào tạo, huấn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ: giao tiếp khách hàng, bán hàng, quản lý kho, kiểm tra chất lượng...
- ✓ Đào tạo nghề cho công nhân mới, đào tạo nâng bậc, đào tạo nhắc lại và đào tạo về công nghệ mới cho công nhân cũ.

▪ Chính sách tiền lương, thưởng:

- ✓ Công ty xây dựng quy chế trả lương, thưởng, hệ thống thang bảng lương và phụ cấp riêng phù hợp với đặc thù của ngành nghề lao động, đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước, tương xứng với trình độ, năng lực công việc và mức

độ đóng góp của từng người, tạo được sự động viên, khuyến khích CBCNV làm việc hăng say, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- ✓ Công trả lương cho CBCNV theo đơn giá tiền lương trên đơn vị sản phẩm sản xuất ra và tiêu thụ trong tháng, quý, năm trên cơ sở vị trí công việc và đánh giá kết quả công việc của từng người trong tháng.
- Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:
 - ✓ Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động;
 - ✓ Ngoài các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn con người cho 100% CBCNV nhằm hỗ trợ phần nào chi phí điều trị cũng như suy giảm khả năng lao động của CBCNV khi có rủi ro xảy ra;
 - ✓ Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp hàng năm cho CBCNV để phát hiện sớm bệnh lý để kịp thời chăm sóc và điều trị;
 - ✓ Công ty thành lập Hội đồng Bảo hộ lao động, chú trọng công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy.
 - ✓ Công ty rất quan tâm đến việc cải thiện môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động; trang bị đầy đủ phương tiện làm việc, đồng phục, trang bị phòng hộ lao động, áp dụng các biện pháp chống nóng, giảm bụi, giảm tiếng ồn, tổ chức ăn giữa ca, bồi dưỡng bằng hiện vật cho CBCNV làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại;
 - ✓ Công ty tổ chức và tạo điều kiện cho CBCNV và gia đình đi nghỉ mát hàng năm, tổ chức tập luyện, thi đấu thể thao rèn luyện sức khỏe và nâng cao tinh thần đoàn kết, tập thể;
 - ✓ Công ty có chế độ hỗ trợ cho CBCNV bị bệnh phải điều trị dài hạn, CBCNV nghỉ hưu (nguồn tiền trích từ quỹ tiền lương được tập thể người lao động trong Công ty nhất trí hỗ trợ), hỗ trợ tiền tuất cho CBCNV bị chết, hỗ trợ cho hưu trí Công ty (trích từ quỹ phúc lợi).

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật, mức cổ tức hàng năm do Hội đồng Quản trị đề xuất và do Đại hội đồng Cổ đông quyết định như sau:

- Theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận của Công ty.
- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp.

Bảng 25. Tỷ lệ chi trả cổ tức qua các năm

Năm	2013	2014	2015	2016 (*)
Tỷ lệ chi trả cổ tức	30%	30%	30%	30%
Hình thức chi trả	Tiền mặt	Tiền mặt	Tiền mặt	Tiền mặt

(*) Mức Cổ tức 30% năm 2016 dự kiến chi trả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016 đã thông qua ngày 15/3/2016.

12. Tình hình tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Báo cáo về vốn điều lệ:

Bảng 16. Vốn điều lệ của Công ty

Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ (đồng)	Phương thức tăng vốn	Mục đích
Năm 2007		160.000.000.000	Vốn thành lập CTCP	
Lần 1: 01/2009	7.973.000.000	192.000.000.000	Phát hành cho Cán bộ công nhân viên của Công ty	Tái cơ cấu nguồn vốn kinh doanh.
Lần 2: 10/2009	24.027.000.000		Phát hành cổ phần ra công chúng (thông qua đấu giá)	

Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ (đồng)	Phương thức tăng vốn	Mục đích
Lần 3: 07/2012	57.599.920.000	249.599.920.000	Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2011	Bổ sung vốn lưu động
Lần 4: 10/2013	30.451.190.000	288.000.000.000	Phát hành cho Cổ đông hiện hữu	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
	7.948.890.000		Phát hành cho Đối tác chiến lược	

Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam luôn sử dụng và quản lý vốn góp của các cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của Pháp luật hiện hành, đúng mục đích được quy định rõ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

❖ Báo cáo tình hình vốn kinh doanh
Bảng 37. Tình hình vốn kinh doanh
ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	288.000.000.000	288.000.000.000	288.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	43.234.340.000	43.234.340.000	43.234.340.000
Quỹ đầu tư phát triển	72.613.287.088	82.602.015.668	108.113.062.534
LNST chưa phân phối	168.124.571.493	225.951.401.546	279.156.252.023
Tổng cộng	571.972.198.581	639.787.757.214	718.503.654.557

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC Quý 3 2016 hợp nhất
❖ Trích khấu hao TSCĐ:

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 06 - 25 năm
- Máy móc và thiết bị : 08 năm
- Thiết bị văn phòng : 05 năm
- Phương tiện vận tải : 06 năm
- Quyền sử dụng đất : 50 năm

❖ Mức lương bình quân:

Chỉ tiêu	2014	2015	30/6/2016
Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	10,412	12,008	11,752

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được thực hiện đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có nợ quá hạn. Các khoản phải nộp được thực hiện theo đúng luật định.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định:**

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế khác theo các quy định của Nhà nước.

Bảng 18. Số dư các khoản thuế phải nộp

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Thuế GTGT đầu ra	90.023.497	2.113.076.701	13.478.831.244
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.259.227.445	15.459.732.667	17.150.004.885
Thuế thu nhập cá nhân	1.139.850.432	1.628.016.707	1.034.823.172
Thuế xuất nhập khẩu	150.639.429	-	-
Thuế phải nộp khác	42.454.978	-	-
Tổng cộng	9.682.195.781	19.200.826.075	31.663.659.301

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015, BCTC Quý 3 năm 2016 Hợp nhất

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định:**

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị.

Bảng 19. Số dư các quỹ

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
1	Quỹ đầu tư và phát triển	72.613.287.088	82.602.015.668	108.113.062.534
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.922.272.165	2.065.335.088	8.908.843.338

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC Quý 3 năm 2016 hợp nhất

❖ Tổng dư nợ vay
Bảng 20. Tổng dư nợ vay của Công ty
ĐVT: đồng

TT	Tên Ngân hàng	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I	VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN	412.360.836.647	491.312.100.738	469.704.534.323
-	Ngân hàng Ngoại Thương VN - Tp.HCM	88.854.600.473	157.108.792.439	236.179.280.043
-	Ngân hàng Công thương VN – SGD 2	97.457.780.191	-	30.500.000.000
-	Tổng Công ty CP thiết bị điện VN	95.000.000.000	95.000.000.000	-
-	Ngân hàng HSBC	9.986.556.490	-	-
-	Ngân hàng Quân đội	54.984.151.929	130.605.674.167	12.000.000.000
-	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN	-	94.409.634.132	39.028.785.286
-	Ngân hàng TNHH CTCB - Tp.HCM	51.629.491.792	-	27.070.142.400
-	Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - SGD 1	260.255.772	-	29.134.272.920
-	Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước	14.188.000.000	14.188.000.000	3.547.000.000
-	Ngân hàng TNHH MTV ANZ	-	-	92.245.053.674
II	VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	28.380.689.000	17.213.189.000	60.647.448.023
-	Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước	28.380.689.000	14.192.689.000	14.192.689.000
-	Ngân hàng TNHH CTCB - Tp.HCM			20.000.000.000
-	Ngân hàng Ngoại Thương VN - Tp.HCM	-	3.020.500.000	26.454.759.023

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC Quý 3 năm 2016 hợp nhất

❖ **Tình hình công nợ hiện nay:**

✓ **Công nợ phải thu**

Bảng 21. Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn Công ty mẹ

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
1	Phải thu khách hàng	468.645.164.273	566.561.733.886	781.679.156.002
2	Trả trước cho người bán	13.523.105.740	33.698.680.657	53.782.566.625
3	Các khoản phải thu khác	73.401.119.181	3.222.565.745	4.871.930.976
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-21.199.996.219	-30.070.194.450	-29.412.285.625
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	989.651.197	3.221.670.679
Tổng cộng		534.369.392.975	574.402.437.035	814.143.038.657

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2015 và BCTC quý 3 năm 2016

Bảng 22. Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn Hợp nhất

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
1	Phải thu khách hàng	486.752.932.345	655.630.772.668	741.390.084.806
2	Trả trước cho người bán	14.990.717.620	13.310.704.843	19.419.468.616
3	Các khoản phải thu khác	52.646.975.798	3.305.565.745	29.591.500.990
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-21.199.996.219	-30.070.194.450	-29.412.285.625
5	Tài sản thiếu chờ xử lý		989.651.197	3.221.670.679
Tổng cộng		533.190.629.544	643.166.500.003	764.210.439.466

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC Quý 3 năm 2016 hợp nhất

✓ Công nợ phải trả

Bảng 23. Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Nợ ngắn hạn	1.054.858.899.063	1.243.111.406.394	1.268.298.000.599
Phải trả người bán	283.235.882.250	361.663.916.092	371.218.763.104
Người mua trả tiền trước	6.021.708.440	7.199.457.781	22.364.213.477
Thuế và các khoản phải nộp NN	6.902.245.851	11.084.545.301	20.929.460.275
Phải trả người lao động	36.034.097.523	40.889.127.812	44.760.684.334
Chi phí phải trả	55.527.778.788	28.302.122.601	23.227.939.056
Phải trả ngắn hạn khác	241.141.211.810	268.362.342.212	272.169.298.513
Vay và nợ thuê tài chính	412.360.836.647	491.312.100.738	469.704.534.323
Dự phòng phải trả ngắn hạn	4.957.327.274	33.280.604.048	38.809.776.658
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.677.810.480	1.017.189.809	5.113.330.859
Nợ dài hạn	28.558.388.715	17.447.991.801	60.672.176.171
Vay và nợ thuê tài chính	28.380.689.000	17.213.189.000	60.647.448.023
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	177.699.715	234.802.801	24.728.148
Tổng cộng	1.083.417.287.778	1.260.559.398.195	1.328.970.176.770

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC Quý 3 năm 2016 Công ty mẹ

Bảng 24. Chi tiết công nợ phải trả Hợp nhất

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Nợ ngắn hạn	1.085.370.655.974	1.383.793.633.599	1.359.717.434.942
Phải trả người bán	286.450.199.418	438.451.787.658	389.918.048.817
Người mua trả tiền trước	9.260.190.415	7.401.739.721	34.352.194.271
Thuế và các khoản phải nộp NN	9.682.195.781	19.200.826.075	31.663.659.301
Phải trả người lao động	39.138.022.888	48.922.477.625	51.124.067.311
Chi phí phải trả	58.570.008.403	29.981.483.840	24.761.690.154
Phải trả ngắn hạn khác	256.029.602.983	313.177.278.806	310.474.620.769
Vay và nợ thuê tài chính	412.360.836.647	491.312.100.738	469.704.534.323
Dự phòng phải trả ngắn hạn	4.957.327.274	33.280.604.048	38.809.776.658
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.922.272.165	2.065.335.088	8.908.843.338
Nợ dài hạn	28.593.037.929	17.451.141.730	60.672.176.171
Vay và nợ thuê tài chính	28.380.689.000	17.213.189.000	60.647.448.023
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	212.348.929	237.952.730	24.728.148
Tổng cộng	1.113.963.693.903	1.401.244.775.329	1.420.389.611.113

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC Quý 3 năm 2016 hợp nhất

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 25. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Các chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,16	1,14
(TSLĐ/Nợ ngắn hạn)			
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,57	0,66
(TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)			
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,66	0,69
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,95	2,19
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,50	7,91
(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	3,09	3,04
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	2,41%	3,01%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	23,28%	28,15%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	7,44%	9,15%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,00%	3,83%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và 2015

13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng

Bảng 26. Danh sách Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát; Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng

TT	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Số CMND/ Hộ chiếu
I	Hội đồng Quản trị (HĐQT)			
1	Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch HĐQT	1961	011796281
2	Ông Hoàng Nghĩa Đàn	Phó Chủ tịch HĐQT	1952	020263400
3	Ông Nguyễn Lộc	Thành viên HĐQT kiêm TGD	1960	023000733
4	Ông Đoàn Hoài Thanh	Thành viên HĐQT	1956	001056005287
5	Ông Nguyễn Đình Hùng	Thành viên HĐQT	1971	033071000006
II	Ban Tổng Giám đốc (TGD)			
1	Ông Nguyễn Lộc	Tổng Giám đốc	1960	023000733
2	Ông Trịnh Quốc Toàn	Phó TGD	1965	270754011
3	Ông Lê Quang Định	Phó TGD	1964	056064000013
III	Ban kiểm soát (BKS)			
1	Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng BKS	1973	B4095645
2	Ông Dư Vĩnh Hồng Quân	Thành viên BKS	1976	022876347
3	Ông Ngô Quang Hùng	Thành viên BKS	1959	023236869
IV	Giám đốc tài chính			
1	Bà Dương Liễu Mai Khanh	Giám đốc tài chính	1974	022832641
V	Kế toán trưởng (KTT)			
1	Ông Võ Hữu Luyện	Kế toán trưởng	1956	025173714

Sơ yếu lý lịch chi tiết:

Ông NGUYỄN HOA CUƠNG – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Họ và tên : **Nguyễn Hoa Cuơng**
2. Số CMND/Passport : 011796281 do Công an Hà Nội cấp ngày 06/06/2007
3. Giới tính : Nam
4. Ngày tháng năm sinh : 17/03/1961
5. Nơi sinh : Thái Nguyên
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú : P1608 Tòa nhà Hoàng Thành, 114 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
9. Số điện thoại Công ty : 04-39726245
10. Địa chỉ email : hoacuong.nguyen@gmail.com
11. Trình độ văn hóa : 12/12
12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ Chế tạo máy, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
13. Quá trình công tác :
 - Từ tháng 1/1985 đến tháng 6/1991 : Kỹ sư cơ khí - Phòng Công nghệ - Nhà máy Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - Từ tháng 6/1991 đến tháng 8/1996 : Phó phòng- Phòng Công nghệ - Nhà máy Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - Từ tháng 8/1996 đến năm 2010 : Phó Tổng giám đốc Công ty Liên doanh S.A.S - CTAMAD
 - Từ năm 2003 đến năm 2008 : Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Cơ điện Hà Nội
 - Từ năm 2006 đến năm 2009 : Ủy viên HĐQT Công ty TNHH Nhà nước 1 TV Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - Từ năm 2007 đến nay : Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Liên doanh S.A.S-CTAMAD
 - Từ năm 2008 đến năm 2011 : Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Kinh doanh vật tư THIBIDI
 - Từ năm 2009 đến năm 2012 : Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Khí cụ điện I.
 - Từ năm 2009 đến năm 2011 : Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - Từ năm 2011 đến T8/2016 : Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - Từ Tháng 9/2016 đến nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội

- Từ tháng 1/2007 đến tháng 6/2010 : Ủy viên thường trực Hội đồng Quản trị Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
- Từ tháng 7/2010 đến tháng 11/2010 : Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
- Từ tháng 12/2010 đến nay : Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Từ tháng 5/2012 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Dây cáp điện Việt Nam

14. Các chức vụ công tác hiện nay
Việt Nam

: Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại CTCP Dây Cáp Điện

Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác

: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội (OTC: HEM)

Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH SAS- CTAMAD
T6/2016 Chủ tịch HĐQT công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán :

Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 9/9/2016 là 10.784.310 cổ phần, chiếm 37,45% vốn điều lệ

- Đại diện phần vốn của Tổng Công Ty CP Thiết Bị Điện Việt Nam: 10.721.824 cổ phần, chiếm 37,23 % vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 62.486 cổ phần, chiếm 0,22% vốn điều lệ

16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan cổ phiếu của Công ty CP Dây cáp điện VN

ST T	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Tổng Công Ty CP Thiết Bị Điện Việt Nam	Đại diện phần góp vốn	10.721.824	37,23%	
2	Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Chủ tịch HĐQT	0	0%	
3	Công ty TNHH SAS -CTAMAD	P.CT HĐQT	0	0%	
4	Nguyễn Bạch Tuyết	Vợ	0	0%	

5	Nguyễn Bích Hà	Con ruột	0	0%	
6	Nguyễn Liên Hương	Con ruột	0	0%	
7	Nguyễn Đức Phương	Anh ruột	0	0%	
8	Nguyễn Gia Chính	Anh ruột	0	0%	
9	Nguyễn Thị Xuân Thanh	Chị ruột	0	0%	

17. Hành vi vi phạm pháp luật : không
18. Những khoản nợ đối với Công ty: không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Ông NGUYỄN LỘC – Chức vụ: Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

1. Họ và tên : **Nguyễn Lộc**
2. Giới tính : **Nam**
3. Ngày tháng năm sinh: **01/02/1960**
4. Nơi sinh : **Bình Định**
5. Số CMND/Passport: **023000733 do Công an TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 03/06/2007**
6. Quốc tịch : **Việt Nam**
7. Dân tộc : **Kinh**
8. Địa chỉ thường trú : **292 Cao Đạt, P.1, Q.5, TP. Hồ Chí Minh**
9. Số điện thoại Công ty: **08.38299443**
10. Địa chỉ email : **locn@cadivi.vn**
11. Trình độ văn hóa : **12/12**
12. Trình độ chuyên môn : **Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Hóa, Cử nhân Tiếng Anh**
13. Quá trình công tác :
 - Từ năm 1980 đến năm 1983 : **Bộ đội**
 - Từ năm 1983 đến năm 1986 : **Chuyên ngành về XN Thành Mỹ thuộc CADIVI**
 - Từ năm 1986 đến năm 1995 : **Phó Trưởng Ngành, Trưởng Ngành- Xí nghiệp Thành Mỹ**
 - Từ năm 1995 đến năm 1998 : **Trưởng phòng Kỹ thuật- Cơ điện Xí nghiệp Thành Mỹ**
 - Từ năm 1998 đến năm 1999 : **Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Dây và Cáp điện VN**
 - Từ năm 1999 đến năm 1999 : **Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Dây và Cáp điện VN**

- Từ năm 1999 đến năm 2001 : Phó Giám đốc Xí nghiệp Việt Thái
- Từ năm 2001 đến năm 2002 : Phó Trưởng phòng TMSX Công ty Dây và Cáp điện VN
- Từ năm 2002 đến năm 2006 : Trưởng phòng TMSX Công ty Dây và Cáp điện VN
- Từ năm 2005 đến năm 2007 : Ủy viên HĐQT, TP TMSX Công ty TNHH 1 TV Dây và Cáp điện Việt Nam
- Từ năm 2007 đến tháng 08/2012: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc CTCP Dây cáp điện Việt Nam
- Từ tháng 09/2012 đến nay : Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP Dây cáp điện Việt Nam
- Từ tháng 03/2013 đến nay : Chủ tịch Hội dây cáp điện TP.HCM

14. Các chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc tại CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
- Chức vụ tại tổ chức khác :
 - ✓ Ủy viên HĐQT Công Ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái
 - ✓ Ủy viên HĐQT Công ty dây đồng Việt Nam- CFT
 - ✓ Chủ tịch HĐQT CTCP Công nghệ cao
 - ✓ Thành viên Ban chấp hành hiệp hội chống hàng giả và Bảo vệ thương hiệu Việt Nam
 - ✓ Chủ tịch Hội dây cáp điện Tp.Hồ Chí Minh
 - ✓ Phó chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp Tp.Hồ Chí Minh

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán : Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 9/9/2016 là 5.087.117 cổ phần, chiếm 17,66 % vốn điều lệ

- Đại diện phần vốn của Tổng Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Điện Việt Nam là: 5.000.000 cổ phần, chiếm 17,36% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 87.117 cổ phần, chiếm 0,30% vốn điều lệ

16. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Tổng Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Điện Việt Nam	Đại diện góp vốn	5.000.000	17,36%	
2	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái	Ủy viên HĐQT	0	0%	
3	Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Ủy viên HĐQT	0	0%	
4	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Cao	CTHĐQT	0	0%	

5	Cao Thị Mai	Mẹ ruột	0	0%	Đã mất
6	Nguyễn Thao	Cha ruột	0	0%	
7	Võ Thị Tuyết Hương	Vợ	25.851	0,09%	
8	Nguyễn Võ Duy Minh	Con ruột	0	0%	
9	Nguyễn Võ Minh Như	Con ruột	0	0%	
10	Nguyễn Thọ	Anh ruột	0	0%	
11	Nguyễn Hạo	Em ruột	0	0%	
12	Nguyễn Phê	Em ruột	2.187	0,01%	

17. Hành vi vi phạm pháp luật : Không

18. Những khoản nợ đối với Công ty : không

19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Ông HOÀNG NGHĨA ĐÀN – Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Họ và tên : Hoàng Nghĩa Đàn

2. Giới tính : Nam

3. Ngày tháng năm sinh : 10/10/1952

4. Nơi sinh : Nam Đàn –Nghệ An

5. Số CMND/Passport : 020263400 do Công An TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 5/5/2014

6. Quốc tịch : Việt Nam

7. Dân tộc : Kinh

8. Địa chỉ thường trú : 01 đường số 4, Nam Long, KP1, P.Tân Thuận Đông, Q.7, TPHCM

9. Số điện thoại Công ty : 08.38299443

10.Địa chỉ email : hoangndan@yahoo.com

11.Trình độ văn hóa : 12/12

12.Trình độ chuyên môn : Cử nhân Vật lý

13.Quá trình công tác :

- Từ năm 1970 đến năm 1981 : Bộ đội, chuyên ngành học Đại học Tổng hợp TP. HCM
- Từ năm 1981 đến năm 1987 : Cử nhân Vật lý – XN Thành Mỹ, trực thuộc CADIVI
- Từ năm 1987 đến năm 1995 : Phó Giám đốc XN Thành Mỹ, CADIVI

- Từ năm 1995 đến năm 2000 : Giám đốc XN Thành Mỹ, CADIVI
- Từ năm 2000 đến năm 2001 : Phó Giám đốc Công ty Dây và Cáp điện Việt Nam - CADIVI
- Từ năm 2001 đến năm 2005 : Giám đốc Công ty Dây và Cáp điện Việt Nam – CADIVI
- Từ năm 2005 đến năm 2007 : Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH 1 thành viên Dây và Cáp điện Việt Nam - CADIVI; Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam.
- Từ năm 2007 đến tháng 04/2012: Chủ tịch HĐQT CTCP Dây cáp điện Việt nam – CADIVI
- Từ tháng 04/2012 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT CTCP Dây cáp điện Việt Nam
- Từ năm 2007 đến tháng 08/2012: Tổng giám đốc CTCP Dây cáp điện Việt Nam - CADIVI
- Từ năm 2002 đến tháng 03/2013: Chủ tịch Hội Dây Cáp điện Thành phố Hồ Chí Minh
- Từ năm 2005 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dây Cáp điện Việt Thái - VITHAICO

14. Các chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
- Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Dây Cáp điện Việt Thái

15. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 9/9/2016 là 23.020 cổ phần, chiếm 0,08 % vốn điều lệ

- Đại diện phần vốn : không
- Cá nhân sở hữu: 23.020 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
13	Hoàng Thị Hồng	Em ruột	5	0,00%	

17. Hành vi vi phạm pháp luật : không

18. Những khoản nợ đối với Công ty: không

19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Ông ĐOÀN HOÀI THANH – Chức vụ: Ủy viên Hội đồng Quản trị

1. Họ và tên: Đoàn Hoài Thanh
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 13/09/1956
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Số CMND/Passport: 001056005287 do cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG cấp ngày 23/06/2016
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Địa chỉ thường trú: 357/2 Nguyễn Thiện Thuật, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
9. Số điện thoại Công ty: 08.38299443
10. Địa chỉ email: thanhhdh@cadivi.vn
11. Trình độ văn hóa: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
13. Quá trình công tác:
 - Từ 1981 đến 1987 : Cán bộ phòng XDCEB của Công ty.
 - Từ 1987 đến 2000 : Lần lượt giữ các chức vụ: Phó phòng XDCEB, Phó phòng Kỹ thuật, Phó văn phòng Công ty Dây cáp điện Việt Nam
 - Từ 2000 đến 2009 : Lần lượt giữ các chức vụ: Chánh văn phòng, trưởng phòng nhân sự hành chính Công ty Dây cáp điện Việt Nam.
 - Từ 2009 đến nay : Phó chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam, Giám đốc nhân sự Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam
 - Từ 2010 đến 2015 : Bí thư Đảng Ủy Công ty.
 - Từ 2012 đến nay : Ủy viên HĐQT, Chủ tịch Công đoàn CTCP Dây cáp điện Việt Nam
14. Các chức vụ công tác hiện nay:
 - Chức vụ tại tổ chức phát hành : Ủy viên Hội đồng Quản trị ,Chủ tịch Công đoàn, Giám đốc nhân sự tại CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
 - Chức vụ tại tổ chức khác : Phó chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam
15. Tỷ lệ chứng khoán sở hữu: Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm **9/9/2016** là 3.001.270 cổ phần, chiếm 10,42 % vốn điều lệ.

- Đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam: **3.000.000 cổ phần, chiếm 10,42% vốn điều lệ**
- Cá nhân sở hữu: **1.270 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ**

16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Tổng công ty Cổ Phần Thiết Bị Điện Việt Nam	Đại diện phần góp vốn	3.000.000	10,42%	
2	Đoàn Hồ Hải	Cha ruột	0	0%	
3	Lê Thị Thành	Mẹ ruột	0	0%	
4	Đoàn Thanh Huyền	Mẹ ruột	0	0%	
5	Đoàn Thị Vân Hồng	Em ruột	0	0%	
6	Đoàn Long Vân	Em ruột	0	0%	
7	Trần Thị Bích Thủy	Vợ	0	0%	
8	Đoàn Thanh Nam	Con ruột	2.045	0,01%	
9	Đoàn Thanh Tùng	Con ruột	0	0%	

17. Hành vi vi phạm pháp luật : không
18. Những khoản nợ đối với Công ty : không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Ông NGUYỄN ĐÌNH HÙNG – Chức vụ: ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Họ và tên : **NGUYỄN ĐÌNH HÙNG**
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 23/03/1971
4. Nơi sinh : Hưng Yên
5. Số CMND/Passport: 033071000006 nơi cấp Cục CS QLHC về TTXH
6. Quốc tịch :Việt Nam
7. Dân tộc :Kinh

8. Địa chỉ thường trú: BT, lô 29, ĐTM Pháp Vân- Tứ Hiệp, Hoàng Mai, Hà Nội
9. Số điện thoại Công ty: 043.734.6846
10. Địa chỉ email: hung@cadivi-mb.vn
11. Trình độ văn hóa: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Đại học
13. Quá trình công tác:
 - Từ T8/1993 – 12/1995 : Kỹ sư tổng đài điện tử - cty viễn thông quốc tế VNPT
 - Từ T12/1995 – T9/2002 : GD Kinh doanh – Tập đoàn Fujitsu Limited Nhật Bản
 - Từ 8/2002 – 09/2005 : Trưởng đại diện VN, Lào, Campuchia Tập đoàn Viễn thông Reach Global Services Ltd Hong Kong
 - Từ 09/2005 – 12/2007 : Trưởng đại diện tại VN tập đoàn viễn thông Telenor, Na Uy
 - T12/2007 – T9/2009 : Phó Tổng Giám đốc công ty CP FPT Telecom
 - T9/2009 – T12/2010 : Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Viễn Thông Hà Nội
 - T12/2010- T11/2012 : TGD lực lượng TM của tập đoàn CT có hội sở tại TPHCM
 - T12/2012- T3/2013 : Tư vấn chiến lược đầu tư vào VN trong ngành viễn thông và CNTT
 - T3/2013-T5/2014 : Giám đốc khu vực Asean tập đoàn Transcosmos inc, Nhật Bản
 - T6/2014 - T11/2015 : Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc chiến lược công ty TNHH Transcosmos VN
 - T11/2015-T5/2016 : Tổng Giám đốc khu vực Đông Dương công ty công nghệ tài chính GlobeOne inc, Nhật Bản
 - T4/2016- T6/2016 : Thành viên HĐQT công ty CP CADIVI Miền Bắc
 - T6/2016 – nay : Ủy viên HĐQT kiêm TGD công ty CP CADIVI Miền Bắc
 - T7/2016 – nay : Ủy viên HĐQT công ty CP Dây cáp điện VN
 - T8/2016 – nay : Chủ tịch HĐQT công ty TNHH MTV CADIVI Đnai
 - T9/2016- nay : Phó TGD thứ nhất Tổng công ty cp thiết bị điện VN
14. Các chức vụ công tác hiện nay:
 - Chức vụ tại tổ chức phát hành : Ủy viên HĐQT công ty CP Dây cáp điện VN
 - Chức vụ tại tổ chức khác : Tổng giám đốc cty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc
Phó TGD thứ nhất công ty CP Thiết bị điện VN
Chủ tịch HĐQT công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai

Thành viên HĐQT công ty CP chế tạo Điện cơ Hà Nội

15. Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 9/9/2016) là 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Đại diện phân vốn: không
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam: Không
17. Hành vi vi phạm pháp luật : không
18. Những khoản nợ đối với Công ty : không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Bà VŨ THANH HƯƠNG – Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

1. Họ và tên : Vũ Thanh Hương
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày tháng năm sinh: 22/08/1973
4. Nơi sinh : Lương Sơn – Hòa Bình .
5. Số CMND/Passport: B4095645 ngày cấp 25/05/2010 nơi cấp : Cục quản lý xuất nhập cảnh
6. Quốc tịch :Việt Nam
7. Dân tộc :Kinh
8. Địa chỉ thường trú: Phòng 17, tầng 9 nhà T8- Times City- 458 Phố Minh Khai – Hà Nội
9. Số điện thoại Công ty : 0913208898
10. Địa chỉ email : vnvthuong@gmail.com
11. Trình độ văn hóa: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán, Cử nhân chuyên ngành Tiếng Anh
13. Quá trình công tác:
 - Từ T8/1994- T3/1995 : Kế toán tổng hợp công ty Coco International
 - Từ T4/1995 – T6/2000 : Kiểm toán viên cao cấp của công ty Kiểm toán VN VACO (nay là Deloitte VN)
 - Từ 6/2000 – 06/2002 : Kế toán trưởng công ty liên doanh SAS CTAMAD là công ty sở hữu khách sạn Melia Hà Nội và tòa nhà văn phòng trung tâm Hà Nội – 44B Lý Thường Kiệt, Hà Nội
 - Từ 07/2002 – 6/2006 : Làm partner và là Phó GD công ty TNHH kiểm toán Atic VN

- T6/2006 – T12/2009 : Giám đốc tài chính của Gold Sun Billboard – công ty sở hữu vốn của tập đoàn Gold Sun, tập đoàn truyền thông hàng đầu VN
- T1/2010 – T8/2013 : Phó Tổng Giám đốc kiêm GD Tài chính cty CP y học Rạng Đông
- T10/2013- T3/2014 : TGD lực lượng TM của tập đoàn CT có hội sở tại TPHCM
- T4/2014- T6/2014 : Phó TGD phụ trách vận hành công ty quản lý và kinh doanh BĐS Vinhomes, cty con của tập đoàn Vingroup.
- T7/2014-T12/2014 : Tư vấn tài chính và quản trị kinh doanh độc lập
- T1/2015- nay : Làm việc tại Tổng công ty CP Thiết bị điện VN (Gelex) với các chức danh: (1) Trợ lý chủ tịch HĐQT về tài chính và đầu tư, (2) Trưởng ban kiểm soát Công ty Thiết bị điện (Thibidi), (3) Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần thiết bị điện VN(Gelex), (4) Trưởng ban kiểm soát công ty Cổ phần Dây cáp điện VN(CADIVI) (5) Giám đốc tài chính Tổng công ty cổ phần Dây cáp điện VN

14. Các chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành: Trưởng Ban kiểm soát tại CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI)
- Chức vụ tại tổ chức khác : Giám đốc tài chính Tổng công ty CP Thiết bị điện VN (Gelex), Trưởng BKS công ty CP Thiết bị điện (Thibidi)

15. Tỷ lệ chứng khoán sở hữu: Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 9/9/2016) là 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

- Đại diện phần vốn: không
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam: Không

17. Những khoản nợ đối với Công ty : không

18. Lợi ích liên quan với Công ty : không

19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Ông NGÔ QUANG HÙNG – Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

1. Họ và tên : Ngô Quang Hùng
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 28/09/1959
4. Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh
5. Số CMND/Passport: 023236869 do Công an Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 11/02/2011
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú: 03 đường số 3, quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh
9. Số điện thoại Công ty : 08.38299443
10. Địa chỉ email : hungnq@cadivi.vn
11. Trình độ văn hóa : 12/12
12. Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế toán
13. Quá trình công tác:
 - Từ 1983 đến 1986 : Nhân viên kế toán-XN Đồ Điện Thủ Đức.
 - Từ 1986 đến 1990 : Phó phòng kế toán-XN Đồ Điện Thủ Đức.
 - Từ 1991 đến 1992 : Phó phòng kế toán-XN Khí Cụ Điện 2.
 - Từ 1993 đến 2009 : Trưởng phòng kế toán nhân sự- XN Khí Cụ Điện 2.
 - Từ 2009 đến 2010 : Trưởng phòng nhân sự hành chính- XN Tân Á
 - Từ 2010 đến nay : Phó giám đốc XN Tân Á (nay là Nhà Máy CADIVI Sài Gòn.
 - Từ 2007 đến nay : TV Ban kiểm soát Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam.
14. Các chức vụ công tác hiện nay:
 - Chức vụ tại tổ chức phát hành : Thành viên Ban kiểm soát, Phó giám đốc Nhà máy CADIVI Sài Gòn tại CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
 - Chức vụ tại tổ chức khác : không
15. Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 9/9/2016 là 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Đại diện phần vốn : Không
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam: không.

17. Hành vi vi phạm pháp luật : không

18. Những khoản nợ đối với Công ty : không

19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Ông DƯ VĨNH HỒNG QUÂN – Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát

1. Họ và tên: Dư Vĩnh Hồng Quân
2. Giới tính: Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 28/12/1976
4. Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh
5. Số CMND/Passport: 022876347 do Công an Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 08/9/2004
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Địa chỉ thường trú: 457/41 Lê Văn Thọ P.9, Q.Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh
9. Số điện thoại Công ty: 08.38299443
10. Địa chỉ email: quandvh@yahoo.com
11. Trình độ văn hóa: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Anh Văn
13. Quá trình công tác:
 - Từ 7/1998 đến 8/2003 : Phòng TCKT Xí nghiệp Thành Mỹ
 - Từ 8/2003 đến 12/2007 : Phó phòng TCKT Xí nghiệp Thành Mỹ
 - Từ 12/2007 đến 10/2008 : Trưởng phòng TKNS XN Tân Á
 - Từ 10/2008 đến 03/2010 : Phó giám đốc XN Tân Á
 - Từ 04/2010 đến 12/2010 : Phó phòng TMSX CTCP Dây cáp điện Việt Nam
 - Từ 01/2011 đến 06/2013 : Trưởng phòng Thương Mại CTCP Dây cáp điện Việt Nam
 - Từ 07/2013 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai kiêm Kế Toán Trưởng
 - Từ 04/2009 đến nay : TV.Ban kiểm soát CTCP Dây cáp điện Việt Nam
14. Các chức vụ công tác hiện nay:
 - Chức vụ tại tổ chức phát hành : Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Nam
 - Chức vụ tại tổ chức khác : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai kiêm Kế Toán Trưởng
15. Tỷ lệ chứng khoán sở hữu: Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 9/9/2016 là 168 cổ phần, chiếm 0,0006% vốn điều lệ
 - Đại diện phần vốn : Không

- Cá nhân sở hữu: 168 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ
- 16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan đến cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam: không
- 17. Hành vi vi phạm pháp luật : không
- 18. Những khoản nợ đối với Công ty : không
- 19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

Ông LÊ QUANG ĐỊNH – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên : Lê Quang Định
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 11/10/1964
4. Nơi sinh : Nha Trang – Khánh Hòa
5. Số CMND/Passport: 056064000013 do Cục cảnh sát ĐKQL và DLQG về dân cư cấp ngày 11/4/2016
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú: 39 Trần Quang Diệu, P.14, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh
9. Số điện thoại Công ty: 08.38299443
10. Địa chỉ email: dinhlq@yahoo.com.vn
11. Trình độ chuyên môn: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí
13. Quá trình công tác:
 - Từ 10/1987 đến 2003 : Cán bộ kỹ thuật phòng KTCĐ- Công ty CADIVI
 - Từ 2003 đến 2007 : Phó trưởng phòng KTCĐ – Công ty CADIVI
 - Từ 01/2008 đến 10/2008 : Phó giám đốc xí nghiệp Long Biên (KCN Biên Hòa)
 - Từ 10/2008 đến 04/2011 : Giám đốc xí nghiệp Long Biên
 - Từ 04/2011 đến 08/2012 : Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc xí nghiệp Long Biên
 - Từ 8/2012 đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dây cáp điện Việt
 - Từ 05/2013 đến 21/7/2016 : TV HĐQT CTCP Dây cáp điện Việt Nam
 - Từ 05/2013 đến nay : TV HĐQT Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai kiêm TGD.

- Từ 06/2016 đến nay : TV HĐQT Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc
- 14. Các chức vụ công tác hiện nay:
 - Chức vụ tại tổ chức phát hành : Phó Tổng Giám đốc tại CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
 - Chức vụ tại tổ chức khác : TV HĐQT Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai kiêm Tổng Giám đốc
TV HĐQT Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc
- 15. Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 9/9/ 2016 là 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - Đại diện phần vốn : Không
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- 16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan đến cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam: Không
- 17. Hành vi vi phạm pháp luật : không
- 18. Những khoản nợ đối với Công ty : không
- 19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Ông TRỊNH QUỐC TOÀN – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên : Trịnh Quốc Toàn
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 13/7/1965
4. Nơi sinh : Quảng Trị
5. Số CMND/Passport : 270754011 ngày cấp 19/8/2009 nơi cấp CA tỉnh Đồng Nai
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú: 486- KP3, Phường Long Bình Tân, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
9. Số điện thoại Công ty: 08.38299443
10. Địa chỉ email: toantq@cadivi.com
11. Trình độ văn hóa: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí/ Cử nhân Quản trị kinh doanh
13. Quá trình công tác :
 - Từ 1985 đến 1990 : Học trường Đại học Bách Khoa- Khoa cơ khí TPHCM
 - Từ T11/1990 đến T6/1994 : Kỹ sư phòng Kỹ thuật XN , XN cơ điện cty Dây và cáp điện VN - CADIVI

- Từ T6/1994 đến 2011 : Trưởng phòng KTCL, XN Thành Mỹ trực thuộc Cty cp Dây cáp điện VN
- Từ T12/2011 đến 04/2014 : Giám đốc Kỹ thuật kiêm trưởng phòng KTCD
- Từ 04/2014 đến 06/2015 : Phó Giám đốc phụ trách XN Long Biên trực thuộc Cty CP Dây cáp điện VN
- Từ T7/2015 - đến nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam

14. Các chức vụ công tác hiện nay:

- Chức vụ tại tổ chức phát hành : Phó Tổng Giám đốc tại CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

15. Tỷ lệ chứng khoán sở hữu: Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 9/9/ 2016 là 30 cổ phần, chiếm 0,00 % vốn điều lệ

- Đại diện phần vốn : Không
- Cá nhân sở hữu: 30 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ

16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan đến cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thu Hà	Vợ	4	0	
2	Trịnh Quốc Thắng	Con	0	0	
3	Trịnh Hà Phương Linh	con	0	0	
4	Trịnh Quốc Tiến	con	0	0	

17. Hành vi vi phạm pháp luật : không

18. Những khoản nợ đối với Công ty : không

19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Bà DƯƠNG LIỄU MAI KHANH– Chức vụ: Giám đốc tài chính

1. Họ và tên :Dương Liễu Mai Khanh
2. Giới tính :Nữ
3. Ngày tháng năm sinh :05/06/1974
4. Nơi sinh :Tp.HCM

5. Số CMND/Passport : 022832641 do Công an Tp.HCM cấp ngày 04/05/2010
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú: 782/8 Trường Sa, phường 14, quận 3, TPHCM
9. Số điện thoại Công ty: 08.38299443
10. Địa chỉ email: khanhdlm@cadivi.vn
11. Trình độ văn hóa: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ khoa học kinh tế - chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán
13. Quá trình công tác:
- Từ 08/1996 – 08/2001 : Nhân viên kế toán tài chính Xí nghiệp Khí cụ điện 2
 - Từ 09/2001 – 03/2003 : Phó phòng phụ trách P. kế toán tài chính Xí nghiệp Thành Mỹ
 - Từ 03/2003 – 05/2009 : Phó phòng tài chính kế toán CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
 - Từ 06/2009 – đến nay : Giám đốc tài chính CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
 - Từ 05/2014 – đến nay : TV HĐQT Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai
 - Từ 06/2016 – đến nay : KSV Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc
14. Các chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ tại tổ chức niêm yết : Giám đốc Tài chính tại CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
 - Chức vụ tại tổ chức khác : Thành viên Ban kiểm soát CTCP Dây cáp điện Việt Thái
15. Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 9/9/2016) là 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện phần vốn: không
 - Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam:

STT	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
3	Võ Hồng Anh	Chồng	1.600	0,01%	

17. Hành vi vi phạm pháp luật : không
18. Những khoản nợ đối với Công ty : không
19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

Ông VÕ HỮU LUYỆN – Chức vụ: Kế toán Trưởng

1. Họ và tên : Võ Hữu Luyện
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh: 01/10/1956
4. Nơi sinh : Hà Tĩnh
5. Số CMND/Passport: 025173714 do Công an TP Hồ Chí Minh cấp ngày 07/09/2009
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Dân tộc : Kinh
8. Địa chỉ thường trú: 238/10/11 Hoàng Diệu 2, Phường Linh Chiểu, Quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh
9. Số điện thoại Công ty: 08.38299443
10. Địa chỉ email: luyenvh@cadivi.vn
11. Trình độ văn hóa : 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
13. Quá trình công tác :
 - Từ 1977 đến 1982 : Giáo viên trường sơ cấp Kỹ thuật Không Quân
 - Từ 1982 đến 1986 : Bộ đội chuyển ngành học trường Đại Học Kinh tế TP.HCM
 - Từ 1987 đến 1996 : Chuyên viên phòng KHVT và phòng KTTC, XN Thành Mỹ
 - Từ 1996 đến 2001 : Trưởng phòng KTTC Xí nghiệp Thành Mỹ
 - Từ 2002 đến 2005 : Kế toán trưởng Công ty Dây Cáp điện Việt Nam
 - Từ 2005 đến 2007 : TV HĐQT, Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT Công ty TNHH MTV Dây cáp điện Việt Nam
 - Từ 2007 đến nay : Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT CTCP Dây cáp điện Việt Nam
14. Các chức vụ công tác hiện nay:
 - Chức vụ tại tổ chức niêm yết : Kế toán Trưởng tại CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
 - Chức vụ tại tổ chức khác : Không
15. Tổng số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 9/9/2016) là 6.255 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
 - Đại diện phần vốn không

- Cá nhân sở hữu: 6.255 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ

16. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam:

ST T	Họ & Tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Ghi chú
1	Trương Thị Sâm	Vợ	1.009	0,004%	

17. Hành vi vi phạm pháp luật : không

18. Những khoản nợ đối với Công ty : không

19. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : không

14. Tài sản

Bảng 27. Giá trị tài sản cố định Hợp nhất tính đến ngày 30/09/2016

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Nguyên Giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
Tài sản cố định hữu hình	677.102	282.011	41,65%
Nhà xưởng, vật kiến trúc	160.994	91.239	56,67%
Máy móc thiết bị	462.383	168.550	36,45%
Phương tiện vận tải	49.367	21.352	43,25%
Thiết bị văn phòng	4.358	871	19,98%
Tài sản cố định vô hình	55.241	45.513	82,39%
Quyền sử dụng đất lâu dài	3.125	3.125	100,00%
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50.991	42.388	83,13%
Phần mềm quản lý	1.125	-	0,00%

Nguồn: BCTC Quý 3 năm 2016 hợp nhất

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 28. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm so với năm 2015
		Thực hiện	Kế hoạch	
Doanh thu thuần	Đồng	5.667.844.478.579	6.000.000.000.000	5,86%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	219.398.544.372	250.000.000.000	13,95%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	3,87%	4,17%	7,64%
Tỷ lệ lợi nhuận trước /Vốn chủ sở hữu	%	76,18%	43,40%	-43,03%
Cổ tức/VĐL	%	30%	30%	-

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

Năm 2016 là năm còn nhiều khó khăn cho cả nền kinh tế nói chung và ngành sản xuất và kinh doanh dây cáp điện nói riêng, vì vậy để đạt được các chỉ tiêu đã đề ra công ty CADIVI chúng ta cùng chung tay hợp lực với tinh thần “Đoàn kết, sáng tạo, phát triển”, bám sát chiến lược phát triển của công ty, kế hoạch đã xây dựng năm 2016 định kỳ hàng quý, hàng tháng kiểm soát, đánh giá những biến động và có giải pháp điều chỉnh kịp thời. Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực, phát huy tinh thần làm việc chuyên nghiệp, chủ động, sáng tạo... để đạt được mục tiêu này. Theo đó, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra các giải pháp cơ bản thực hiện trong năm 2016 như sau:

❖ **Công tác Thị trường và bán hàng:**

- Cùng cố phát triển thị trường nền thông qua mạng đại lý, đẩy mạnh và mở rộng thị trường điện lực, dự án xây dựng, xây lắp công nghiệp, dầu khí, quốc phòng....
- Tiếp tục nghiên cứu chính sách để xâm lấn, mở rộng thị trường miền Trung, miền Bắc, Tây Nguyên, miền Tây, Phú Quốc.
- Tổ chức tốt hơn nữa công tác chăm sóc khách hàng.
- Tổ chức lực lượng “ giám sát bán hàng” ở những khu vực trọng điểm

- Tập trung phát triển chiến lược đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ theo cả chiều rộng và chiều sâu dựa trên năng lực cốt lõi đặc biệt đẩy mạnh việc giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm mới ra thị trường như dây Ô tô, cáp đồng trục, cáp truyền số liệu, cáp điện thoại, ổ cắm.....
- Tiếp tục triển khai chương trình nhân diện thương hiệu CADIVI mới, cải tiến công tác tiếp thị bán hàng để phù hợp với tình hình mới.
- Áp dụng phần mềm quản trị doanh nghiệp (BFO) để phục vụ cho công tác bán hàng đặc biệt quản lý công nợ, tồn kho...
- Về công tác xuất khẩu : Nghiên cứu duy trì hợp lý thị trường Mỹ, phát triển thị trường Campuchia, Myanmar, xúc tiến tiếp cận thị trường Nhật Bản, Cuba...

❖ **Công tác Tổ chức quản lý sản xuất:**

- Cải tiến công tác cung ứng vật tư và điều độ sản xuất, đảm bảo các đơn hàng được sản xuất và giao hàng đúng tiến độ.
- Cập nhật tồn kho vật tư, bán thành phẩm, thành phẩm nhằm điều hành sản xuất một cách hiệu quả.

❖ **Công tác Kỹ thuật, Công nghệ và Chất lượng sản phẩm:**

- Triển khai 100% ruột dẫn cán ép chặt có tiết diện $\geq 16\text{mm}^2$.
- Áp dụng khuôn bọc tự định tâm : 100% sản phẩm dây dân dụng (các loại dây VCm, VCmd, Vcmo; $\text{CV} \leq 11\text{mm}^2$); trên 50% bọc cách điện cho cáp điện lực $\leq 120\text{mm}^2$.
- Triển khai đúng tiến độ các tiến bộ kỹ thuật năm 2015, trang bị đầu tư các thiết bị cần thiết ở các điểm thất cổ chai, nhằm mở rộng và đáp ứng được yêu cầu SXKD năm 2016.
- Tiếp tục nghiên cứu triển khai các biện pháp kỹ thuật công nghệ nhằm giảm công đoạn sản xuất, giảm tiêu hao vật tư.
- Tiếp tục theo dõi các loại vật tư vào và các quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm ở các bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm của, để đảm bảo chất lượng sản phẩm khi giao đến khách hàng.
- Tiếp tục cập nhật ngân hàng phiếu thử nghiệm phục vụ công tác đấu thầu.
- Tiếp tục duy trì việc thử nghiệm vật tư đầu vào và dần áp dụng thử nghiệm sản phẩm theo quy trình thử nghiệm của TCVN ISO/IEC 17025:2007.
- Hỗ trợ nhà máy trong việc sử dụng và cập nhật số liệu trong phần mềm BFO.
- Hỗ trợ Nhà máy CADIVI Miền Trung kiểm soát chất lượng sản phẩm dây dân dụng.
- Hệ thống quản lý chất lượng thường xuyên được cải tiến, kiểm soát chặt chẽ các quy trình, hạn chế thấp nhất các sai lỗi trong sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục nghiên cứu, sản xuất thử các sản phẩm mới đã triển khai trong năm 2015 chưa thành công như dây ô tô, cáp cao su...
- Nghiên cứu sản xuất thử các sản phẩm theo yêu cầu giảm tổn thất của ngành điện lực.

❖ Công tác dự án đầu tư:

- Tiếp tục triển khai dự án Nhà máy sản xuất dây cáp điện - Giai đoạn 2 tại KCN Tân Phú Trung theo đúng kế hoạch.
- Chuẩn bị lập và triển khai các dự án đầu tư năm 2016 là : Dự án nâng cao năng lực sản xuất dây điện dân dụng; Dự án đầu tư dây chuyền bọc dây Ô tô; Dự án đầu tư lò nấu đồng UPGAST; Đầu tư thuê lại đất KCN Tân Phú Trung,...
- Tiếp tục xử lý các tồn tại để kết thúc Dự án nâng cấp phần mềm quản trị doanh nghiệp BFO

❖ Công tác tài chính và kiểm soát chi phí, công nợ:

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch tài chính sát với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Quan hệ chặt chẽ với các ngân hàng hiện có, thỏa thuận, thương lượng để có mức lãi suất tốt nhất đồng thời tìm kiếm nguồn từ những ngân hàng khác có tiềm năng.
- Kiểm soát các nguồn tiền, sử dụng đòn bẩy tài chính một cách hiệu quả nhất để góp phần gia tăng lợi nhuận của công ty.
- Phối hợp với phòng Dự án để tìm kiếm các nguồn vốn tốt nhất phục vụ cho công tác đầu tư năm 2016 cũng như là giải ngân đúng tiến độ cho cả gói thầu của Dự án Tân Phú Trung – Giai đoạn 2.
- Làm việc với Sở tài chính và kho bạc Nhà nước để thu phần hỗ trợ lãi vay cho Dự án Tân Phú Trung – Giai đoạn 2
- Tăng cường tham mưu cho lãnh đạo trong công tác quản trị rủi ro.
- Kiểm soát nợ phải thu, trong hạn, quá hạn. Có kế hoạch thu hồi công nợ đúng như cam kết trong hợp đồng.

❖ Công tác Nhân sự Hành chính – Tiền lương

- rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Ban hành quyết định chuyển xếp lương mới và ký kết phụ lục HĐLĐ theo mức lương mới cho CBCNV.
- Phối hợp với các phòng liên quan và Nhà máy CADIVI Sài Gòn trong việc chuẩn bị và triển khai dự án Nhà máy sản xuất dây cáp điện – Giai đoạn 2 tại KCN Tân Phú Trung theo đúng kế hoạch.
- Phối hợp các phòng chức năng của Công ty trong việc thực hiện các dự án : Dự án nâng cao năng lực sản xuất dây điện dân dụng : Dự án đầu tư dây chuyền bọc dây Ô tô; Dự án đầu tư lò nấu đồng UPGAST; Dự án đầu tư thuê lại đất KCN Tân Phú Trung....

❖ Công tác khác :

- Phát huy và đẩy mạnh các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện chính sách tiết kiệm, động viên cá nhân tập thể tham gia và có nhiều sáng kiến, sáng chế đặc biệt cấp công ty phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong toàn công ty.

- Phối hợp với các tổ chức Đảng, Đoàn thể xây dựng văn hóa công ty trên nền tảng “Đoàn kết, sáng tạo và phát triển”, đồng thời chăm lo thường xuyên tới đời sống CBCNV trong công ty tạo môi trường làm việc chủ động sáng tạo văn minh và ổn định lâu dài.
- Công tác KTAT, BHLĐ, PCCN, VSCN : Triển khai rà soát lại hồ sơ kiểm định đúng hạn với các thiết bị an toàn lao động; Tiếp tục công tác kiểm tra định kỳ, kỹ thuật an toàn, vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ; Triển khai việc sắp xếp gọn gàng mặt bằng các đơn vị thường xuyên.
- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT năm 2016.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT – Chi nhánh Hồ Chí Minh đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam điện Việt Nam cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam điện Việt Nam là doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ, kỹ sư chuyên nghiệp và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong lĩnh vực dây cáp điện đã tạo cho Công ty có vị thế trên thị trường.

Đồng thời, dựa trên kết quả kinh doanh của năm vừa qua cũng như kết quả đạt được 09 tháng đầu năm, năng lực hoạt động của Công ty và triển vọng sắp tới của ngành và nền kinh tế; chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tới của Công ty là phù hợp và có tính khả thi cao, đảm bảo khả năng chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch đã đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên 2016.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2016, Công ty cam kết sẽ đưa cổ phiếu của Công ty sau đợt phát hành này vào giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán có tổ chức trong thời hạn 1 năm, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Tuy nhiên, do CTCP Dây cáp điện Việt Nam đã niêm

yết trên sàn HOSE, Công ty cam kết thực hiện đăng ký giao dịch bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thành công trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có



V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu (mười ngàn đồng/ một cổ phiếu)

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành

Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán và phát hành là: 28.800.000 cổ phần

Thông qua phương thức chào bán ra công chúng theo tỷ lệ 1:1

4. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán dự kiến: 20.000 đồng/ cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

a. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 30/06/2016:

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại} &= \text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành} - \text{Cổ phiếu quỹ} \\ \text{thời điểm 30/06/2016} &= 28.800.000 - 0 = 28.800.000 \text{ cổ phiếu} \end{aligned}$$

b. Phương pháp giá trị sổ sách:

Giá trị sổ sách của cổ phiếu CAV tại thời điểm 30/06/2016 theo BCTC soát xét bán niên 2016:

Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu tại thời điểm 30/06/2016 (mệnh giá 10.000 đồng, vốn điều lệ của công ty tại thời điểm 30/06/2016 là: 288.000.000.000 đồng).

$$\begin{aligned} \text{Giá trị} & \quad \text{Vốn chủ sở hữu - Tài sản vô hình} & \quad 645.903.588.186 - 0 \\ \text{sổ sách} & = \frac{\quad}{\quad} & = \frac{\quad}{\quad} = 22.427 \\ \text{cổ} & & & \text{đồng/CP} \\ \text{phiếu} & \quad \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} & \quad 28.800.000 \end{aligned}$$

c. Một số chỉ tiêu cơ bản của những doanh nghiệp cùng ngành:

Bảng 29. Một số chỉ tiêu các doanh nghiệp cùng ngành

Tên doanh nghiệp	ĐVT	P/E	Bình quân trọng số P/E	P/B	Bình quân trọng số P/B
CTCP Dây Cáp Điện Việt Thái	Lần	6,653	0,197	0,911	0,027
CTCP Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam	Lần	7,437	1,501	1,241	0,251
CTCP Cáp Nhựa Vĩnh Khánh	Lần	5,959	0,586	1,437	0,141
CTCP Đầu Tư Và Phát Triển Sacom	Lần	20,279	13,593	0,682	0,457
Bình quân	Lần		15,877		0,876

d. Phương pháp so sánh P/E

Phương pháp này dựa trên thu nhập kết quả kinh doanh 4 Quý gần nhất (tính đến 30/06/2016) của CAV và hệ số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Bảng 30. Giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh P/E

Chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
Lợi nhuận sau thuế 4 Quý gần nhất (a)	VNĐ	212.621.455.563
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành 30/06/2016 (b)	cổ phiếu	28.800.000
Thu nhập trên 1 cổ phiếu trong 04 quý gần nhất (a/b)	VNĐ/cp	7.383
Hệ số bình quân P/E của ngành	Lần	15,877
Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp so sánh P/E	VNĐ/cp	117.219

e. Phương pháp so sánh P/BV

Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách ngày 30/06/2016 của CAV và hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/BV) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Bảng 31. Giá cổ phiếu theo phương pháp so sánh P/B

Chi tiêu	ĐVT	Số liệu
Giá trị sổ sách ngày 30/06/2016 (a)	VNĐ	22.427
Hệ số bình quân P/B của ngành (b)	Lần	0,876
Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp P/BV(a x b)	VNĐ/cổ phiếu	19.646

f. Kết luận về giá cổ phiếu

Bảng 32. Kết luận về giá cổ phiếu

Phương pháp	Giá cổ phiếu	Tỷ trọng
Phương pháp Giá trị sổ sách	22.427	40%
Phương pháp so sánh P/E	117.219	40%
Phương pháp so sánh P/BV	19.646	20%
Trung bình gia quyền (VNĐ/CP)	59.788	

Tính đến yếu tố thận trọng và pha loãng cổ phiếu sau khi chào bán thêm, giá chào bán được đề nghị của cổ phiếu CAV là 20.000 VNĐ/CP.

6. Phương thức phân phối

Phân phối cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1

Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký đó. Cổ đông chưa thực hiện lưu ký sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu tại Công ty.

Đối với việc phát hành toàn bộ số lượng đăng ký cho cổ đông hiện hữu, Công ty cam kết thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật Doanh nghiệp.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian thực hiện dự kiến Quý IV/2016 – Quý I/2017. Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng, nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng có hiệu lực. Cổ đông

không thực hiện góp vốn theo thời gian thông báo của Hội đồng quản trị xem như từ bỏ quyền mua cổ phiếu. Số cổ phiếu cổ đông từ bỏ quyền mua sẽ do Hội đồng quản trị quyết định phân phối.

Bảng 33. Lịch trình phân phối cổ phiếu

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Thực hiện
1	Nhận Giấy phép đăng ký chào bán CP của UBCK	D	CAV
2	Xác định ngày lập danh sách sở hữu cuối cùng và thông báo chốt danh sách cổ đông với VSD và Sở GDCK HN	D + 5	CAV, FPTS
3	Công bố thông tin theo quy định trên 03 số báo liên tiếp	D + 7	CAV, FPTS
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D + 10	VSD
5	Ngày đăng ký cuối cùng	D + 11	VSD
6	Phân bổ và thông báo quyền mua cổ phiếu	D + 25	CAV
7	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	D+ 25 đến D + 45	NĐT
8	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	D + 25 đến D + 43	NĐT
9	Tổng hợp thực hiện quyền	D + 45 đến D +50	CAV
10	HDQT xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu từ chối mua (nếu có)	D + 51 đến D + 60	CAV
11	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu	D+61 đến D + 70	CAV, FPTS
12	Trao trả Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần và thực hiện thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung	D+ 61 đến D +80	CAV, FPTS
13	SGD cấp giấy phép đăng ký niêm yết bổ sung	D + 81	CAV, FPTS
14	Cổ phiếu chính thức giao dịch	D + 86	CAV, FPTS

(Ghi chú: lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được thông báo chính thức sau khi Công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu từ UBCKNN).

8. Đăng ký mua cổ phiếu

8.1. Thời hạn: Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành, sẽ bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng luật định.

8.2. Số lượng: Là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

8.3. Phương thức thanh toán:

- Đối với cổ đông hiện hữu đã lưu ký (có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền): Cổ đông đăng ký và nộp tiền hoặc chuyển khoản tiền mua cổ phiếu tại thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản chứng khoán.
- Đối với cổ đông hiện hữu chưa lưu ký (có tên trong danh sách tại ngày chốt quyền): Cổ đông thanh toán bằng tiền mặt/chuyển khoản theo tài khoản phong tỏa của Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam cung cấp.

8.4. Chuyển giao cổ phiếu: Toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được Công ty cập nhật vào Sổ theo dõi danh sách cổ đông của Công ty.

8.5. Quyền lợi người mua: Cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phần phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng trừ trường hợp quy định tại 10. Phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh

9. Phương thức thực hiện quyền

Chào bán cho cổ đông hiện hữu: Vào ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách sở hữu 01 cổ phần sẽ được 01 quyền mua, cứ 1 quyền mua thì sẽ được mua 01 cổ phần mới, số cổ phần được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

10. Phương án xử lý cổ phần chưa phân phối hết và cổ phần lẻ phát sinh (nếu có)

- Do tỷ lệ thực hiện quyền 1:1 nên không có cổ phiếu lẻ. Số cổ phiếu chưa phân phối hết ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức hợp lý với điều kiện giá chào bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết được HĐQT

phân phối cho đối tượng khác này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

- Đối với việc xử lý cổ phiếu do cổ đông từ chối quyền mua hoặc không thực hiện quyền, Công ty cam kết đáp ứng các quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP trong trường hợp bán cho các đối tượng khác.

10.1 Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền

Trong trường hợp cổ đông hiện hữu không thực hiện được quyền mua cổ phiếu, các vấn đề có liên quan được ủy quyền cho HĐQT giải quyết.

10.2 Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phiếu

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc mua một phần số lượng cổ phần chào bán theo quyền mua hoặc được tự do chuyển nhượng quyền mua của mình cho cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông được quyền thực hiện quyền mua cổ phần phát hành mới này hoặc các nhà đầu tư và chỉ được chuyển nhượng một (01) lần (người nhận chuyển nhượng quyền mua thì không được chuyển nhượng cho người thứ ba) trong thời gian thực hiện quyền.

Đối với việc xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu cổ đông từ chối quyền mua hoặc không thực hiện quyền, Công ty cam kết thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 9 của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 189 Luật Doanh nghiệp.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông.

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Đối với cổ đông hiện hữu: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 26/06/2015 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hiện tại, Công ty đang kinh doanh một số ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê... Căn cứ các ngành nghề kinh doanh của Công ty được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia theo địa chỉ: <https://dichvuthongtin.dkdd.gov.vn/inf/Forms/Searches/EnterpriseInfo.aspx?h=21f1>

Công ty đã thực hiện rà soát với danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong Phụ lục 1 – Luật đầu tư năm 2014. Theo đó Công ty tiếp tục thực hiện đối chiếu với dữ liệu tại Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo địa chỉ: Để xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài áp dụng đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh mà Công ty đang hoạt động theo quy định pháp luật đầu tư, pháp luật liên quan và điều ước quốc tế.

Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì Công ty áp dụng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49% theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP về bổ sung Điều 2a sau Điều 2 của Nghị định 58/2012, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Công ty như sau:

Mã ngành	Tên ngành	Ngành nghề có điều kiện	Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan	Giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài áp dụng
2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ kim loại màu.	Không		
2732 (chính)	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác Chi tiết: Sản xuất dây cáp điện.	Không		
2790	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện.	Không		
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán sản phẩm từ kim loại màu.	Không		
3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại.	Không		
4100	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Đầu tư, xây dựng văn phòng cho thuê.	Không		

	Chi tiết: Mua bán dây cáp điện, khí cụ điện, vật liệu kỹ thuật điện, thiết bị phụ tùng máy móc và vật tư các loại.			
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà ở.	Có	Không quy định	49%

(*) Riêng đối với mã ngành 4669, Công ty cam kết đảm bảo danh mục kim loại thuộc kim loại màu không có kim loại nào thuộc kim loại quý, đá quý.

Ngoài ra, đối với mã cổ phiếu CAV, kể từ khi được niêm yết đến nay, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) thiết lập mức giới hạn đối với Nhà đầu tư nước ngoài là 49%.

Vậy, căn cứ quy định của Khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP về bổ sung Điều 2a sau Điều 2 của Nghị định 58/2012, mức tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài áp dụng với Công ty tối đa là 49%. Hiện tại Căn cứ vào danh sách cổ đông chốt ngày 09/09/2016, số lượng cổ phiếu của Công ty do cổ đông nước ngoài nắm giữ là 2.764.207 cổ phần chiếm 9.60% vốn điều lệ. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ của Công ty dự kiến sẽ tăng lên 576.000.000.000 đồng, Công ty cam kết sẽ thực hiện phân phối cổ phiếu theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá tỷ lệ theo quy định pháp luật hiện hành.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng 01 (một) lần. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người khác. Cổ phiếu của cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

Số cổ phiếu chưa phân phối hết ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo qui định của pháp luật trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

13. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức theo các quy định hiện hành của Luật thuế Thu nhập cá nhân, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

14. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tên tài khoản : Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam

Số hiệu tài khoản : 0071001121466 - Tên Ngân hàng: TMCP Ngoại Thương – CN TP.HCM

Địa chỉ : Tòa nhà VCB, Số 05 - Công Trường Mê Linh, Quận 1, Tp.HCM

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 ngày 11/10/2016 của CTCP Dây cáp điện Việt Nam đã thông qua kế hoạch phát hành tăng vốn điều lệ mục đích để bổ sung vốn lưu động và đầu tư vốn vào công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc nhằm mang lại hiệu quả hoạt động cao nhất cho Công ty.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

- Căn cứ xác định nhu cầu vốn lưu động nói chung và vốn tài trợ mua nguyên vật liệu nói riêng:*

Trên cơ sở đánh giá và phân tích năng lực hoạt động của CADIVI, định hướng kinh doanh dự kiến năm 2017, nhu cầu vốn lưu động năm 2017 bình quân mỗi vòng quay ước tính khoảng 1.324 tỷ đồng, trong đó Công ty sẽ sử dụng 481 tỷ đồng từ nguồn vốn huy động được từ đợt phát hành tăng vốn lên 576 tỷ đồng và các nguồn khác (vốn tự có, vốn vay ngắn hạn và nguồn vốn chiếm dụng được).

Trong cơ cấu vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD của CADIVI, nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn. Theo định hướng SXKD của Công ty năm 2017, tổng nhu cầu tài chính phục vụ cho hoạt động mua nguyên vật liệu ước đoán khoảng 3.429 tỷ đồng mỗi năm, tương ứng 857 tỷ đồng mỗi quý. Như vậy, nguồn tài chính tài trợ cho hoạt động mua nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn trong nhu cầu vốn tài trợ vốn lưu động, do đó, CADIVI sẽ sử dụng 481 tỷ đồng để mua nguyên vật liệu như Đồng, nhôm, nhựa và các loại nguyên vật liệu khác thiết yếu cho hoạt động SXKD của Công ty.

- Toàn bộ số tiền thu được sẽ được sử dụng như sau:*

Bảng 44. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

STT	Nội dung	Số tiền	Thời gian sử dụng
1	Bổ sung vốn lưu động	481 tỷ đồng	
	<i>Mua nguyên vật liệu</i>	<i>481 tỷ đồng</i>	<i>Quý II, III/2017</i>
2	Đầu tư vốn vào công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	95 tỷ đồng	
	<i>Bổ sung vốn hoạt động SXKD</i>	<i>95 tỷ đồng</i>	<i>Quý II/2017</i>
	Tổng cộng	576 tỷ đồng	

Phương án xử lý trường hợp không huy động đủ nguồn vốn

Từ số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành này, Công ty sẽ cân đối ưu tiên sử dụng vào các nhu cầu vốn cần thiết trước như mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả nhất. Trong trường hợp nguồn vốn này không đảm bảo đủ nhu cầu vốn cần thiết, Công ty sẽ huy động từ các nguồn khác như vay Ngân hàng, v.v...

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Trụ sở chính : 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 38205944
Fax : (84.8) 38205947
Email : info@aascs.com.vn
Website : www.aascs.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Fpt Securities

Công ty Cổ phần chứng khoán FPT – CN.Tp.Hồ Chí Minh

Trụ sở chính : 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : (84.4) 37737070 – 6271 7171
Fax : (84.4) 3773 9058
Email : fptsecurities@fpts.com.vn
Website : <http://www.fpts.com.vn>
Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh
Tầng 3, Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm,
Địa chỉ : Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.8) 6290 8686 Fax: (84.8) 6291 0607

❖ Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Theo đánh giá của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam là doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất dây cáp điện, hoạt động rất hiệu quả và đã tạo dựng được thương hiệu trong ngành sản xuất dây cáp điện tại Việt Nam. Công ty có kế hoạch huy động thêm vốn thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam và góp vốn bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc. Phương án phát hành cổ phiếu này đã được đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 ngày 11/10/2016 thông qua với tỷ lệ nhất trí cao. Theo đánh giá của đơn vị tư vấn, đợt chào bán phát hành ra công chúng là phù hợp với nhu cầu về vốn của doanh nghiệp cũng như phù hợp với tình hình kinh tế, chính sách tín dụng và quy định của pháp luật.

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 15 tháng 11 năm 2016

**TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY CÁP ĐIỆN VIỆT NAM**

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN HOA CƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LỘC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



VŨ THANH HƯƠNG

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



DƯƠNG LIỄU MAI KHANH

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CTCP CHỨNG KHOÁN FPT CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC
PHÒNG TƯ VẤN DOANH NGHIỆP



LÊ QUANG NGỌC THANH

X. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Phụ lục II: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và NQ Hội đồng quản trị;
3. Phụ lục III: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty;
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán 2014, 2015 và Báo cáo tài chính Quý III năm 2016;
5. Phụ lục V: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được của đợt chào bán gần nhất;
6. Phụ lục VI: Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT, Ban TGD, Giám đốc tài chính, BKS, KTT;
7. Phụ lục VII: Danh sách người có liên quan đến thành viên HĐQT, Ban TGD, Giám đốc tài chính, BKS, KTT, cổ đông lớn;
8. Các phụ lục khác.